

Số: **027**/TB-PLC-HDQT

Hà Nội, ngày **15-03-2019**



PETROLIMEX

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019**

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông, Đại diện cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP, được tổ chức cụ thể như sau :

1. Thời gian : **Khai mạc vào hồi 08 giờ 30, thứ Năm ngày 11 tháng 04 năm 2019.**

2. Địa điểm : Trung tâm Hội nghị Mipecc Palace,
Số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

3. Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 (ĐHĐCĐ) :

Thảo luận, thông qua các vấn đề thường niên của Tổng công ty, thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ; Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2019 - 2024.

4. Điều kiện dự họp ĐHCĐ :

- Tất cả các Cổ đông có tên trong Danh sách phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu cổ phiếu PLC tại ngày **11/03/2019** (ngày đăng ký cuối cùng) do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tổng hợp, cung cấp đều có quyền dự họp;

- Những Cổ đông không thể dự họp ĐHCĐ có thể ủy quyền bằng văn bản cho HĐQT Tổng công ty hoặc cho người khác tham dự theo mẫu quy định. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

5. Đăng ký dự họp ĐHCĐ :

- Để công tác tổ chức họp ĐHCĐ được chu đáo, Tổng công ty PLC đề nghị Quý Cổ đông và Đại diện cổ đông vui lòng đăng ký dự họp hoặc ủy quyền tham dự ĐHCĐ trước 15h30 ngày **05/04/2019**;

- Việc đăng ký dự họp hoặc ủy quyền tham dự ĐHCĐ, Quý Cổ đông và Đại diện cổ đông có thể thực hiện qua đường bưu điện, qua Fax của Tổng công ty PLC theo số (0243) 8513207 hoặc liên hệ trong giờ hành chính theo số (0243) 8513205/1008 hoặc ĐTDD số 0983846618 (gặp chị Hương Thảo).

6. Tài liệu trình ĐHCĐ: Chi tiết Nội dung chương trình, tài liệu thảo luận, thông qua tại ĐHCĐ, mẫu Giấy ủy quyền được đăng trên website <http://www.plc.petrolimex.com.vn/nd/dhd-co-dong.html> trước ngày 01/04/2019.

7. Quý Cổ đông khi dự họp ĐHCĐ cần mang theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính). Trường hợp được ủy quyền dự họp ĐHCĐ, đề nghị Đại diện cổ đông mang theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính), Giấy ủy quyền (bản chính) và Giấy CMND/Hộ chiếu của Cổ đông ủy quyền (bản sao).

8. Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHCĐ tự túc phương tiện đi lại và nơi ăn nghỉ.

9. Thông báo này thay cho Thư mời họp ĐHCĐ Tổng công ty PLC trong trường hợp Cổ đông không nhận được Thư mời họp.

10. Các văn kiện được ĐHCĐ thường niên 2019 thông qua sẽ được đăng trên website <http://www.plc.petrolimex.com.vn/nd/dhd-co-dong.html> của Tổng công ty vào ngày **12/04/2019**.

HĐQT Tổng công ty PLC trân trọng thông báo và rất mong các Quý Cổ đông, Đại diện cổ đông dự họp đầy đủ để ĐHCĐ thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận :

- Đại diện công bố thông tin;
- Công bố thông tin trên website TCty;
- Các TV, HĐQT TCty (để chỉ đạo t.h);
- Các TV, BKS TCty (để biết);
- Ban TGD TCty;
- Công ty TNHH ND Petrolimex;
- Công ty TNHH HC Petrolimex;
- Lưu VT, HĐQT TCty.



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
(tổ chức ngày 11/04/2019 tại Hà Nội)

Họ và tên người ủy quyền :.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu :.....

Địa chỉ thường trú :.....

Số cổ phần PLC hiện sở hữu :.....

Họ và tên người được ủy quyền :.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu :.....

Địa chỉ thường trú :.....

Nội dung ủy quyền :

- Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC);
- Ủy quyền tham gia ý kiến với Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC);
- Ủy quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần PLC: hiện sở hữu đề thông qua các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC).

Thời hạn ủy quyền :

Kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) ngày 11/04/2019./.

....., ngày..... tháng ... năm 2019

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú :

- Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 TCty PLC không được ủy quyền lại cho người thứ ba và phải xuất trình bản chính Giấy ủy quyền này kèm theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính) của Người được ủy quyền trước khi dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 TCty PLC;
- Trường hợp ủy quyền cho HĐQT TCty không cần ghi họ, tên cụ thể Người được ủy quyền và đề nghị Quý Cổ đông gửi Giấy ủy quyền này về trụ sở TCty PLC trước ngày khai mạc Đại hội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP
(tổ chức ngày 11/04/2019 tại Hà Nội)

Tên pháp nhân ủy quyền :.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh :.....

Địa chỉ trụ sở chính :.....

Số cổ phần PLC hiện sở hữu :.....

Họ và tên người được ủy quyền :.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu :.....

Địa chỉ thường trú :.....

Nội dung ủy quyền :

- Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC);
- Ủy quyền tham gia ý kiến với Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC);
- Ủy quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần PLC :..... hiện sở hữu để thông qua các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC).

Thời hạn ủy quyền :

Kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) ngày 11/04/2019./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng ... năm 2019
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA PHÁP
NHÂN ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú :

- Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 TCT PLC không được ủy quyền lại cho người thứ ba và phải xuất trình bản chính Giấy ủy quyền này kèm theo Giấy CMND/Hộ chiếu (bản chính) của Người được ủy quyền trước khi dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 TCTy PLC;
- Trường hợp ủy quyền cho HĐQT TCTy không cần ghi họ, tên cụ thể Người được ủy quyền và đề nghị Quý Cổ đông gửi Giấy ủy quyền này về trụ sở TCT PLC trước ngày khai mạc Đại hội.

(Dự kiến)

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP NGÀY 11-4-2019**

Thời gian dự kiến	Nội dung
	I. Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông
07h30	- Đón tiếp các Cổ đông và Đại diện cổ đông; - Đón tiếp các Đại biểu mời;
	- Tiếp nhận, kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ, phát phiếu biểu quyết;
8h30	- Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu; - Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông; - Chủ tọa giới thiệu nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu biểu quyết để ĐHĐCĐ thông qua; - Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ; - Thông qua Thẻ lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
8h50	II. Các nội dung Đại hội đồng cổ đông thảo luận, biểu quyết thông qua
	1. Báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2019;
	2. Báo cáo Tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2018 đã được kiểm toán;
	3. Báo cáo của HĐQT năm 2018;
	4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV. HĐQT, các TV. BKS Tổng công ty năm 2018;
	5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2018;
	6. Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2019;
	7. Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV.HĐQT, các TV.BKS Tổng công ty năm 2019;
	8. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019;
	9. Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Tổng công ty;
	10. Thẻ lệ bầu cử thành viên HĐQT và Kiểm soát viên Tổng công ty PLC.
9h10	Bầu TV HĐQT và KSV
	11. Các nội dung khác.
11h15	III. Phát biểu của Đại biểu mời
	IV. Thủ tục kết thúc Đại hội đồng cổ đông
11h35	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
11h55	- Bế mạc Đại hội.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



Hà nội, ngày 11 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018**
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

Kính thưa: - *Các quý vị Đại biểu*
- *Các quý vị Cổ đông*

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật doanh nghiệp; Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (Tổng công ty); Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (Ban kiểm soát). Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm tra giám sát năm 2018 và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018 như sau:

PHẦN I
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

1. Tổ chức, nhân sự Ban kiểm soát:

Từ ngày 01/11/2017, Bà Trần Thị Minh Hà - Trưởng Ban kiểm soát nghỉ hưu theo chế độ và Ban kiểm soát đã bầu ông Tống Văn Hải, Thành viên Ban kiểm soát giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát. Ngày 18/4/2018, ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã đề ông Hoàng Văn Thành thôi không tham gia Ban kiểm soát và bầu bổ xung ông Đoàn Hồng Sáng, ông Phạm Tuấn Phương làm Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2018. Tại cuộc họp Ban kiểm soát ngày 18/4/2018, Ban kiểm soát đã bầu ông Đoàn Hồng Sáng làm Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2018. Như vậy từ ngày 1/1/2018 đến 18/4/2018, Ban kiểm soát hoạt động với 2 thành viên kiêm nhiệm và từ 19/4/2018 đến 31/12/2018, Ban kiểm soát hoạt động với 3 thành viên, trong đó có một thành viên kiêm nhiệm.

2. Triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên các công ty con để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ với một số hoạt động cụ thể:

- Tham gia tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Tổng công ty.

- Sửa đổi ban hành lại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Xây dựng ban hành kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng KSV.

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Tham gia thảo luận, giám sát việc xây dựng Kế hoạch SXKD, Kế hoạch cân đối vốn, Kế hoạch lao động tiền lương năm 2018...

- Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ.

- Tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định quản lý, quản trị của Tổng công ty và các công ty con.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Tiến hành kiểm tra, kiểm soát quy chế, quy định, quy trình và thực tế thực hiện công tác Quản lý chi phí SXKD, Nợ phải thu, Nợ phải trả tại Công ty mẹ, Công ty Nhựa đường và Công ty Hóa chất. Nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD, khả năng quản trị và cảnh báo rủi ro.

- Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của Ban kiểm soát.

Đánh giá chung: Trong nhiệm kỳ 2014-2018, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao một cách khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và quy định của Pháp luật. Trong điều kiện phạm vi hoạt động rộng, tính chất phức tạp theo đặc thù của từng ngành hàng và có nhiều rủi ro tiềm ẩn, Ban kiểm soát nhận thấy công tác kiểm tra, giám sát cần được duy trì thường xuyên và thực hiện đồng bộ ở tất cả các cấp HĐQT, HĐTV và Ban điều hành.

3. Hoạt động của từng Kiểm soát viên năm 2018:

Năm 2018, nhìn chung từng Kiểm soát viên đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Ban kiểm soát phân công đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Mỗi Kiểm soát viên đều phát huy được thế mạnh của từng cá nhân, phối hợp tốt với các đơn vị, các Phòng/Ban của Tổng công ty cũng như các Công ty con trong quá trình triển khai công việc được giao.

4. Thù lao của Ban kiểm soát:

Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 được thực hiện theo Phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày

18/04/2018. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 là 869.841.459 đồng.

II. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tình hình nhân sự và và điều kiện thực tế; trong năm 2019, Ban kiểm soát tập trung thực hiện một số công việc trọng tâm sau:

1. Cùng với HĐQT Tổng công ty tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2019; chuẩn bị tài liệu báo cáo theo quy định.

2. Xây dựng và tổ chức triển khai thành công Kế hoạch hoạt động năm 2019.

3. Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty.

4. Tham gia các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến tham gia, góp ý kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của Ban kiểm soát.

5. Tham gia một số cuộc họp quan trọng của Ban TGD để nắm bắt kịp thời công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD của Tổng công ty.

6. Thực hiện công việc định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát như: thẩm định báo cáo tài chính; tham gia xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019; tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật...

PHẦN II

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

I/ Thẩm định báo cáo Tài chính năm 2018:

Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Tổng công ty, được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG, đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động SXKD, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng công ty và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo Tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	
			Cty mẹ	Hợp nhất
I	Tổng tài sản		1.490.639	4.854.244
1	Tài sản ngắn hạn	Tr, đồng	537.977	3.795.726
2	Tài sản dài hạn	Tr, đồng	952.662	1.058.518

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	
			Cty mẹ	Hợp nhất
3	Lợi thế thương mại	Tr, đồng	0	0
II	Tổng nguồn vốn		1.490.639	4.854.244
1	Nợ phải trả	Tr, đồng	203.641	3.529.516
2	Vốn chủ sở hữu	Tr, đồng	1.286.998	1.324.728
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr, đồng		
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,64	1,07
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,17	0,17
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	14%	73%
2	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	86%	27%
V	Khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế			
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu)	%		11,47%
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản)	%		3,5%
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng		1,766

II. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

1. Đặc điểm, tình hình chung:

Ngành hàng Dầu mỡ Nhờn:

Tình hình giá dầu thô thế giới liên tục biến động gây khó khăn trong việc dự báo giá nguyên liệu đầu vào. Hoạt động KD DMN của Tổng công ty tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt của các công ty lớn như Castrol BP, Total, Shell, Caltex... Các công ty này đã và đang tăng cường khuyến mại, hỗ trợ bán hàng tạo ra sự cạnh tranh trực tiếp đối với hệ thống phân phối DMN của Tổng công ty. Ngoài ra 02 công ty lớn của Nhật Bản là JXTG và Idemitsu đã hoạt động tại Việt Nam dẫn tới sự cạnh tranh về thương hiệu, khuyến mại và hỗ trợ bán hàng; đặc biệt từ năm 2017, JXTG là cổ đông chiến lược của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách KD DMN linh hoạt và sâu rộng trên thị trường Việt Nam, hiện đã và đang trực tiếp cạnh tranh rất mạnh với hệ thống bán hàng, kinh doanh DMN Petrolimex. Các khách hàng lớn như điện, than, khoáng sản, thép, xi măng, mía đường, xây dựng công trình giao thông... hầu hết chuyển từ hình thức mua bán thông thường sang hình thức đấu thầu để lựa chọn nhà cung cấp DMN.

Ngành hàng Nhựa đường:

Nhựa đường là sản phẩm chủ yếu phục vụ các dự án giao thông đường bộ như nâng cấp, cải tạo, làm mới; Nguồn vốn của các dự án này phần lớn dựa vào vốn ODA, Ngân sách nhà nước, xã hội hóa như BT, BOT.... Một số dự án Công ty có kế hoạch triển khai giai đoạn 2018 - 2020 như: Đường bộ ven biển Hải Phòng Thái Bình, TX Sầm Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, Cầu Mễ Sở vàng đai 4, QL 39 Triều Dương - Diêm Điền, Núi Cao tốc Hà Nội Hải Phòng, Pháp Vân Cầu Giẽ, Đường tránh Pleiku, QL 19 cảng Quy Nhơn, Phước Tân- Bãi Ngà, QL60 Bến Tre, Trung Lương Mỹ Thuận, Đường 25C, Bến Lức-Long Thành..., tiềm năng nhu cầu thị trường sẽ tăng dần vào năm 2019-2020.

Năm 2018 giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản chậm, dự kiến năm 2019 cũng chưa được cải thiện nhiều. Các dự án này phụ thuộc vào kế hoạch, chính sách của Quốc hội và Nhà nước trong từng giai đoạn, phụ thuộc vào hoạt động đầu tư công của Chính phủ. Các dự án giao thông bắt đầu giai đoạn triển khai nên tiến độ giải ngân rất chậm.

Cạnh tranh về cung cấp sản phẩm nhựa đường ở thị trường ngày càng gay gắt. Công ty Nhựa đường Petrolimex có các lợi thế về hệ thống kho bể ở khu vực miền Trung, tuy nhiên vẫn bị ảnh hưởng mạnh bởi các đối thủ cạnh tranh như Adco, Tratimex đã triển khai xây dựng kho bể với công suất lớn ở Quy Nhơn, Cam Ranh, Chân Mây. Công ty Puma xây dựng thêm kho bể ở Đình Vũ-Hải Phòng với tổng sức chứa trên 21.000 tấn và kho Chu Lai- Quảng Nam với sức chứa 12.000 tấn.

Ngành hàng Hóa chất:

Mức độ cạnh tranh trên thị trường Dung môi Hóa chất (DMHC) Việt Nam ngày càng trở nên khốc liệt cả ở phía Nam lẫn phía Bắc, với nhiều đối thủ cạnh tranh mạnh như Samsung, PKG Kaiser, Bình Trí, Việt Bình Phát, Top Solvent, Hóa chất Miền Bắc: các đối thủ áp dụng cơ chế bán hàng rất năng động như linh hoạt điều chỉnh giá bán và công nợ, tăng chiết khấu thanh toán, chi phí khuyến mại...

Các đối thủ là công ty nước ngoài như Top Solvents, Daleim, Riverbank, Sojitz, Better Resin... kinh doanh dưới hình thức liên doanh, liên kết, bao tiêu toàn bộ từ nhập khẩu nguyên liệu cho đến tiêu thụ thành phẩm; Sử dụng các lợi thế của mình về thương hiệu, nguồn hàng, vốn và lãi suất vay ngoại tệ ở nước ngoài để tăng cường cạnh tranh tại Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu các mặt hàng DMHC năm 2018 gặp khó khăn do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chậm lại và kinh tế các nước trong khu vực chưa có khởi sắc... dẫn đến sản lượng bán chuyển khẩu của Công ty trong năm 2018 giảm khá mạnh so với năm 2017.

Năm 2018 giá DMHC biến động trái chiều đã khiến công tác đánh giá, nhận định, dự báo thị trường gặp rất nhiều khó khăn: Giá tăng trong 2 tháng đầu năm, quay đầu giảm giá vào 2 tháng tiếp theo, sau đó lại tăng trở lại từ tháng 5 và đạt mức cao vào cuối tháng 9; nhưng bất ngờ giảm mạnh từ giữa tháng 10 đến hết năm đã làm ảnh hưởng lớn tới kết quả thực hiện về sản lượng, doanh thu và nhất là lợi nhuận của Công ty năm 2018.

2. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2018:

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2018

Đơn vị tính: Tỉn, m3/triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So thực hiện năm 2018 với	
					KH 2018	TH 2017
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	340.971	359.280	389.405	108,38%	114,20%
2	Tổng doanh thu thuần	5.082.675	5.530.870	6.433.978	116,32%	126,58%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	215.077	236.814	194.036	81,93%	90,21%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	171.401	189.452	152.990	80,75%	89,25%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	12,72%	13,95%	11,47%	82,15%	90,09%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	21,21%	23,45%	18,93%	80,72%	89,25%
7	Tỷ lệ cổ tức	20%	Tối thiểu 80% LN sau thuế	-		

Năm 2018 tiếp tục là một năm thực sự khó khăn đối với Tổng công ty, đặc biệt là ngành hàng DMN và Nhựa đường. Sản lượng DMN chỉ đạt 95% kế hoạch, giá vốn tăng do yếu tố nguyên liệu đầu vào tăng làm lợi nhuận HĐKD ngành hàng DMN chỉ đạt 90,6% kế hoạch, cùng với việc phải trích lập dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty CP vận tải Hóa dầu VP (19,697 tỷ đồng) là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận hợp nhất không đạt Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 giao.

2.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN	Số cuối năm 31/12/2018		Số đầu năm 01/01/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I - TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.795.726	78,18	2.983.179	76,87
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	583.655	12,03	564.862	14,56
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	110.809	2,28	43.851	1,13
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.878.626	38,72	1.566.184	40,36
4. Hàng tồn kho	1.139.020	23,43	776.730	20,01
5. Tài sản ngắn hạn khác	83.616	1,72	31.552	0,81
II- TÀI SẢN DÀI HẠN	1.058.518	21,82	897.559	23,13
1. Các khoản phải thu dài hạn	4.258	0,09	3.865	0,10

TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN	Số cuối năm 31/12/2018		Số đầu năm 01/01/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
2. Tài sản cố định ròng	677.908	13,97	508.838	13,11
3. Bất động sản đầu tư	3.235	0,07	3.234	0,08
4. Tài sản dở dang dài hạn	162.641	3,35	152.870	3,94
5. Đầu tư tài chính dài hạn	43.534	0,90	63.233	1,63
6. Tài sản dài hạn khác	166.942	3,44	165.519	4,27
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.854.244	100,00	3.880.738	100,00
I- NỢ PHẢI TRẢ	3.529.516	72,70	2.537.043	65,38
1. Nợ ngắn hạn	3.441.162	70,88	2.462.290	63,45
2. Nợ dài hạn	88.354	1,82	74.754	1,93
II- VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.324.728	27,30	1.343.695	34,62
1. Vốn góp của chủ sở hữu	807.988	16,65	807.988	20,82
2. Thặng dư vốn cổ phần	3.561	0,07	3.561	0,09
3. Vốn khác của chủ sở hữu	379	0,01	422	0,09
4. Quỹ đầu tư phát triển	338.291	6,97	338.291	8,72
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.464	0,42	20.464	0,53
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	154.045	3,17	172.969	4,46
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.854.244	100,00	3.880.738	100,00

- Thời điểm 31/12/2018, Tổng tài sản/Nguồn vốn Hợp nhất của Tổng công ty là hơn 4.854 tỷ đồng. Trong đó: Tài sản ngắn hạn chiếm 78,18%, Tài sản dài hạn chiếm 21,82 % Tổng tài sản; Vốn chủ sở hữu chiếm 27,3%, các khoản Nợ phải trả chiếm 72,7% Tổng nguồn vốn.

- Tổng tài sản cuối năm tăng 974 tỷ đồng so với đầu năm; trong đó: Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 312 tỷ đồng; Hàng tồn kho tăng 362 tỷ đồng; Tài sản cố định tăng 169 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn cuối năm tăng 974 tỷ đồng so với đầu năm; trong đó: Phải trả người bán tăng 360 tỷ; Vay và nợ ngắn hạn tăng 580 tỷ.

- Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại 31/12/2018 là 1.324 tỷ đồng được dùng để tài trợ cho khoảng 27,3% Tổng tài sản, 72,7% các tài sản còn lại được tài trợ bằng nợ phải trả và vay từ các định chế tài chính. Nợ phải trả cuối năm tăng 992 tỷ đồng so với đầu năm; trong đó vay ngắn hạn tăng 580 tỷ đồng, Phải trả người bán ngắn hạn tăng 360 tỷ đồng, Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 2,66 lần.

3. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Năm 2018, Tổng công ty chỉ còn đầu tư vốn vào 01 công ty liên kết là Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP (Công ty VP):

- Giá trị vốn góp của Tổng công ty đầu tư vào Công ty VP trên BCTC hợp nhất năm 2018, được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 43,534 triệu đồng, giảm 22.465 triệu đồng so với vốn góp ban đầu (66.000 triệu đồng với tỷ lệ vốn góp là 43,78%).

- Năm 2017, Công ty VP lỗ 7,9 tỷ đồng, Công ty mẹ đã trích dự phòng cho khoản lỗ này là 2,7 tỷ đồng; Năm 2018 Công Ty VP lỗ - 44,2 tỷ đồng, Công ty mẹ đã trích dự phòng cho khoản lỗ này là 19,7 tỷ đồng.

4. Tình hình Đầu tư CSVCKT năm 2018.

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH (KH) 2018	THỰC HIỆN (TH) 2018	TH/ KH 2018 (%)
	TỔNG CỘNG (A+B)	394.963	285.893	72,38%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	350.454	257.126	73,37%
1	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	70.374	52.532	74,65%
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	139.993	97.941	69,96%
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	140.087	106.653	76,13%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	44.509	28.767	64,63%
1	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	26.367	25.183	95,51%
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	10.372	3.584	34,55%
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	7.770	0	0,00%

Tổng giá trị đầu tư mới và sửa chữa lớn hoàn thành năm 2018 của Tổng công ty đạt 285.893 triệu đồng, bằng 72,38% so với Kế hoạch đầu tư CSVCKT năm 2018 được duyệt. Tổng công ty tiếp tục quán triệt nguyên tắc: tập trung đầu tư mới, cải tạo, mở rộng, sửa chữa lớn cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trực tiếp hoạt động SXKD của 3 ngành hàng nhằm nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh. Các dự án đầu tư CSVCKT lớn đang được triển khai, hoàn thành: Nhà máy Dầu nhờn Đình Vũ, Kho Hóa chất Đình Vũ, Kho Nhựa đường Cam Ranh...

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2018, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng công ty.

- HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 25 lần để ban hành Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT Tổng công ty diễn ra nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên HĐQT tham gia. Các thành viên HĐQT tham gia đã thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành 15 Nghị quyết, 81 Quyết định và một số văn bản theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng công ty, đồng thời tổ chức công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty mẹ và 2 Công ty con nhằm đảm bảo theo đúng các kế hoạch, mục tiêu và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

2. Hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

- Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao.

- Ban kiểm soát nhận thấy nhìn chung Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng công ty và của Pháp luật.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc:

- Sự phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản. Sự phối hợp này luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng Công ty và vì lợi ích chung của toàn Tổng công ty.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

HQĐT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

PHẦN III MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1/ Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp thành lập mới tham gia thị trường kinh doanh DMN, Nhựa đường, Hóa chất liên tục tăng, trong đó có các doanh nghiệp 100 vốn đầu tư nước ngoài; Nền kinh tế nước ta tiếp tục mở cửa, hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Các hiệp định thương mại tự do với các nước, các khu vực kinh tế được ký kết và có hiệu lực. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SX KD của Tổng công ty. Vì vậy, Tổng công ty cần phải có sự đổi mới toàn diện, cần có giải pháp tích cực, chủ động và linh hoạt để thực hiện thành công Kế hoạch SXKD năm 2019 được ĐHCĐ giao.

2/ Xác định nhiệm vụ bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD lên hàng đầu, không ngừng tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác quản lý công nợ, tiền hàng đảm bảo an toàn tài chính.

3/ Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, đồng bộ đề quản trị, điều hành nâng cao hiệu quả SXKD và phòng ngừa rủi ro.

4/ Tổ chức tốt công tác dự báo nghiên cứu thị trường, công tác tạo nguồn nhập khẩu, vận chuyển về các kho, nhà máy để có giá vốn tốt nhất.

5/ Thường xuyên nghiên cứu, phân tích nhu cầu khách hàng, để có những điều chỉnh kịp thời về chính sách bán hàng, chất lượng mẫu mã sản phẩm đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng để chiếm lĩnh thị phần gia tăng sản lượng.

6/ Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, rà soát các khoản mục chi phí cần tiết giảm; nâng cao vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tài sản; tích cực đôn đốc và thu hồi công nợ phải thu khách hàng, đặc biệt là công nợ quá hạn, nợ khó đòi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty.

7/ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả lĩnh vực hoạt động nhằm phát hiện ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra.

Thay mặt Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo..., các đơn vị thành viên, các quý vị cổ đông trong năm qua đã phối hợp tạo điều kiện giúp đỡ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao ./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- HĐQT Tập đoàn (thay b/cáo).
- HĐQT, Ban TGD PLC.
- Các Cổ đông.
- Lưu VT, BKS.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 03 năm 2004.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Số 0101463614 ngày 16 tháng 08 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 08 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Tạo	Thành viên (từ ngày 18/04/2018)
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên (từ ngày 18/04/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 18/04/2018)
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 18/04/2018)
Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Hoàng Văn Thành	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 18/04/2018)

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 03 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00126-19-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.795.725.359.562	2.983.178.841.054
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	583.654.569.745	564.861.713.102
Tiền	111		238.654.569.745	190.861.713.102
Các khoản tương đương tiền	112		345.000.000.000	374.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		110.809.348.225	43.851.350.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	110.809.348.225	43.851.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.878.626.068.186	1.566.184.002.298
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.961.352.729.856	1.666.222.449.880
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		65.456.780.201	73.138.430.615
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	24.767.983.838	14.539.810.234
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(174.112.269.929)	(187.716.688.431)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.160.844.220	-
Hàng tồn kho	140	10	1.139.019.474.211	776.729.529.665
Hàng tồn kho	141		1.139.019.474.211	776.729.529.665
Tài sản ngắn hạn khác	150		83.615.899.195	31.552.245.989
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.832.033.341	5.763.099.218
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77.543.823.932	23.525.188.685
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	1.240.041.922	2.263.958.086

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.058.518.160.132	897.559.049.676
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.258.194.500	3.864.872.800
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	4.258.194.500	3.864.872.800
Tài sản cố định	220		677.907.867.529	508.837.657.656
Tài sản cố định hữu hình	221	11	673.432.550.856	506.276.626.033
Nguyên giá	222		1.274.890.507.172	1.051.657.752.895
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(601.457.956.316)	(545.381.126.862)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.475.316.673	2.561.031.623
Nguyên giá	228		10.371.535.312	7.879.535.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.896.218.639)	(5.318.503.689)
Bất động sản đầu tư	230		3.234.686.485	3.234.686.485
Nguyên giá	231	13	3.234.686.485	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	240		162.641.748.723	152.870.182.358
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	162.641.748.723	152.870.182.358
Đầu tư tài chính dài hạn	250		43.534.152.089	63.232.641.789
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	43.534.152.089	63.232.641.789
Tài sản dài hạn khác	260		166.941.510.806	165.519.008.588
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	166.941.510.806	165.519.008.588
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.854.243.519.694	3.880.737.890.730

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.529.516.069.783	2.537.043.216.684
Nợ ngắn hạn	310		3.441.161.911.141	2.462.289.679.528
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.140.134.079.457	780.398.616.082
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.302.020.252	18.931.623.376
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	32.685.436.264	20.716.038.169
Phải trả người lao động	314		52.820.969.832	37.740.047.020
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.306.722.614	3.669.411.851
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	22.452.493.869	13.010.413.010
Vay ngắn hạn	320	21(a)	2.159.810.073.891	1.579.304.542.721
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	3.650.114.962	8.518.987.299
Vay dài hạn	330		88.354.158.642	74.753.537.156
Vay dài hạn	338	21(b)	88.354.158.642	74.753.537.156
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.324.727.449.911	1.343.694.674.046
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.324.727.449.911	1.343.694.674.046
Vốn cổ phần	411	24	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(75.378.983)	(31.616.582)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	338.290.620.318	338.290.620.318
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	154.045.693.885	172.969.155.619
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.055.481.060	1.568.289.505
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		152.990.212.825	171.400.866.114
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.854.243.519.694	3.880.737.890.730

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	6.436.325.017.954	5.049.088.496.895
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	2.346.752.147	2.629.541.925
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	28	6.433.978.265.807	5.046.458.954.970
Giá vốn hàng bán	11	29	5.562.567.838.945	4.263.628.331.642
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		871.410.426.862	782.830.623.328
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	31.551.861.295	31.867.413.787
Chi phí tài chính	22	31	111.220.124.566	60.268.695.295
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		85.633.635.141	54.202.198.384
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(19.698.489.700)	(3.847.738.597)
Chi phí bán hàng	25	32	489.928.882.606	446.045.201.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	95.821.736.320	91.678.692.836
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		186.293.054.965	212.857.708.514
Thu nhập khác	31		9.550.049.163	4.348.537.806
Chi phí khác	32		1.806.733.552	2.129.202.299
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		7.743.315.611	2.219.335.507
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		194.036.370.576	215.077.044.021
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	41.046.157.751	43.676.177.907
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		152.990.212.825	171.400.866.114
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	61		152.990.212.825	171.400.866.114
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.766	2.121

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	194.036.370.576	215.077.044.021
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	64.373.247.239	92.796.367.154
Các khoản dự phòng	03	(13.604.418.502)	(1.625.837.091)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.487.054.180)	(655.556.412)
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	1.306.955	(17.007.892.141)
Chi phí lãi vay	06	85.633.635.141	54.202.198.384
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	328.953.087.229	342.786.323.915
Biến động các khoản phải thu	09	(349.347.623.583)	(382.150.163.455)
Biến động hàng tồn kho	10	(362.289.944.546)	(43.348.928.736)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	385.687.061.919	162.114.381.402
Biến động chi phí trả trước	12	(3.746.869.573)	(2.215.661.663)
Tiền lãi vay đã trả	14	(85.633.635.141)	(54.202.198.384)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(40.475.633.063)	(42.582.557.215)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.187.426.899)	(12.036.531.824)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(142.040.983.657)	(31.635.335.960)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(222.210.840.888)	(180.090.380.607)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.372.062.558	1.049.790.000
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(66.957.998.225)	(43.851.350.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	15.387.657.871	19.105.294.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(272.409.118.684)	(203.786.645.907)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	4.728.392.912.277	3.599.755.301.078
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.133.547.632.811)	(3.244.693.834.831)
Tiền trả cổ tức	36	(161.371.354.225)	(160.649.989.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	433.473.925.241	194.411.477.072
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	19.023.822.900	(41.010.504.795)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	564.861.713.102	605.917.594.464
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(230.966.257)	(45.376.567)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	583.654.569.745	564.861.713.102

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng công ty:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 (01/01/2018: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

			31/12/2018 và 01/01/2018 % sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty con cấp 1			
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty con cấp 2			
Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào (*)	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Viêng- chăn, Lào	100%

(*) Đây là công ty con của Công ty TNHH Nhựa Đường. Công ty được thành lập trong năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (01/01/2018: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 15.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty và các công ty con có 721 nhân viên (01/01/2018: 716 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

Trong năm 2018, Tổng công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này, thời gian thay đổi như sau:

	2018	2017
▪ nhà cửa – bồn bể chứa	20 năm	10 năm
▪ máy móc, thiết bị	15 năm	5 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm	6 năm

Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao là 33.708 triệu VND.

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 - 10 năm.

Trong năm 2018, Tổng công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm máy tính từ 3 năm sang 8 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao là 548 triệu VND.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 và tầng 19 tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm mua đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.444.256.664.555	2.148.048.743.933	2.841.672.857.319	-	6.433.978.265.807
Doanh thu giữa các bộ phận	7.930.962.872	-	-	(7.930.962.872)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.452.187.627.427	2.148.048.743.933	2.841.672.857.319	(7.930.962.872)	6.433.978.265.807
Giá vốn hàng bán	997.539.031.908	1.896.506.612.660	2.676.453.157.249	(7.930.962.872)	5.562.567.838.945
Chi phí bán hàng	216.533.530.196	191.148.836.507	82.246.515.903	-	489.928.882.606
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.075.609.578	21.704.348.059	20.041.778.683	-	95.821.736.320
Kết quả kinh doanh của bộ phận	184.039.455.745	38.688.946.707	62.931.405.484	-	285.659.807.936
Doanh thu hoạt động tài chính	17.285.940.218	19.593.083.810	10.186.534.349	(15.513.697.082)	31.551.861.295
Chi phí tài chính	(32.686.754.613)	(40.373.779.228)	(57.858.080.425)	19.698.489.700	(111.220.124.566)
Phần lỗ trong công ty liên kết	(19.698.489.700)	-	-	-	(19.698.489.700)
Thu nhập khác	2.834.331.096	5.543.050.094	1.172.667.973	-	9.550.049.163
Chi phí khác	(1.803.286.993)	(12.080)	(3.434.479)	-	(1.806.733.552)
Kết quả từ các hoạt động khác	(34.068.259.992)	(15.237.657.404)	(46.502.312.582)	4.184.792.618	(91.623.437.360)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	149.971.195.753	23.451.289.303	16.429.092.902	4.184.792.618	194.036.370.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.960.150.375	4.968.537.404	5.117.469.972	-	41.046.157.751
Lợi nhuận thuần sau thuế	119.011.045.378	18.482.751.899	11.311.622.930	4.184.792.618	152.990.212.825

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 01 tháng 01 năm 2018

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.406.988.067.491	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	-	5.046.458.954.970
Doanh thu giữa các bộ phận	6.341.401.281	-	-	(6.341.401.281)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.413.329.468.772	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	(6.341.401.281)	5.046.458.954.970
Giá vốn hàng bán	970.186.512.898	1.419.196.345.372	1.880.586.874.653	(6.341.401.281)	4.263.628.331.642
Chi phí bán hàng	207.327.403.802	164.181.847.490	74.535.950.581	-	446.045.201.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.417.609.735	30.864.505.880	16.396.577.221	-	91.678.692.836
Kết quả kinh doanh của bộ phận	191.397.942.337	13.443.196.654	40.265.589.628	-	245.106.728.619
Doanh thu hoạt động tài chính	11.928.610.810	21.041.504.949	8.336.305.996	(9.439.007.968)	31.867.413.787
Chi phí tài chính	(6.579.818.469)	(23.509.775.190)	(34.218.429.820)	4.039.328.184	(60.268.695.295)
Phần lỗ trong công ty liên kết	(3.847.738.597)	-	-	-	(3.847.738.597)
Thu nhập khác	2.316.712.706	937.350.412	1.094.474.688	-	4.348.537.806
Chi phí khác	(2.127.123.521)	(2.078.778)	-	-	(2.129.202.299)
Kết quả từ các hoạt động khác	1.690.642.929	(1.532.998.607)	(24.787.649.136)	(5.399.679.784)	(30.029.684.598)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	193.088.585.266	11.910.198.047	15.477.940.492	(5.399.679.784)	215.077.044.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.050.622.484	2.522.459.161	3.103.096.262	-	43.676.177.907
Lợi nhuận thuần sau thuế	155.037.962.782	9.387.738.886	12.374.844.230	(5.399.679.784)	171.400.866.114

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dầu mỏ nhờn VND	Nợ phải trả VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.328.060.944	505.075.446.694	43.251.062.107	-	583.654.569.745
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	110.809.348.225	-	-	110.809.348.225
Các khoản phải thu ngắn hạn	135.748.972.061	726.440.257.811	1.017.725.748.121	(1.288.909.807)	1.878.626.068.186
Hàng tồn kho	365.499.415.868	311.218.554.916	462.301.503.427	-	1.139.019.474.211
Tài sản ngắn hạn khác	1.400.268.739	40.380.248.178	41.835.382.278	-	83.615.899.195
Các khoản phải thu dài hạn	63.476.000.000	3.854.175.300	404.019.200	(63.476.000.000)	4.258.194.500
Tài sản cố định	185.955.113.239	265.323.557.182	226.629.197.108	-	677.907.867.529
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	74.970.780.815	86.729.770.636	941.197.272	-	162.641.748.723
Đầu tư tài chính dài hạn	553.534.152.089	-	-	(510.000.000.000)	43.534.152.089
Tài sản dài hạn khác	71.491.571.090	24.995.055.581	70.454.884.135	-	166.941.510.806
Tổng tài sản	1.490.639.021.330	2.074.826.414.523	1.863.542.993.648	(574.764.909.807)	4.854.243.519.694
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	203.640.636.082	1.674.411.391.584	1.564.398.793.282	(1.288.909.807)	3.441.161.911.141
Nợ dài hạn	-	45.567.761.776	106.262.396.866	(63.476.000.000)	88.354.158.642
Vốn chủ sở hữu	1.286.998.385.248	354.847.261.163	192.881.803.500	(510.000.000.000)	1.324.727.449.911
Tổng nguồn vốn	1.490.639.021.330	2.074.826.414.523	1.863.542.993.648	(574.764.909.807)	4.854.243.519.694
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Chi tiêu vốn	56.807.046.107	92.688.354.191	72.715.440.590	-	222.210.840.888
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	21.779.162.080	26.138.197.334	13.412.441.460	-	61.329.800.874
Khấu hao tài sản cố định vô hình	262.524.339	315.190.611	-	-	577.714.950

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2018

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.025.131.306	498.834.550.055	18.002.031.741	-	564.861.713.102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	43.851.350.000	-	-	43.851.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	169.264.363.304	425.020.892.767	988.558.576.869	(16.659.830.642)	1.566.184.002.298
Hàng tồn kho	386.331.877.338	236.673.735.276	153.723.917.051	-	776.729.529.665
Tài sản ngắn hạn khác	971.245.649	23.672.975.110	6.908.025.230	-	31.552.245.989
Các khoản phải thu dài hạn	32.876.000.000	3.864.872.800	-	(32.876.000.000)	3.864.872.800
Tài sản cố định	176.470.710.764	232.236.312.374	100.130.634.518	-	508.837.657.656
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	48.552.347.941	53.116.945.547	51.200.888.870	-	152.870.182.358
Đầu tư tài chính dài hạn	573.232.641.789	-	-	(510.000.000.000)	63.232.641.789
Tài sản dài hạn khác	69.619.248.166	24.006.509.062	71.893.251.360	-	165.519.008.588
Tổng tài sản	1.508.578.252.742	1.541.278.142.991	1.390.417.325.639	(559.535.830.642)	3.880.737.890.730
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	194.107.945.092	1.195.787.510.858	1.098.554.054.220	(26.159.830.642)	2.462.289.679.528
Nợ dài hạn	-	-	98.129.537.156	(23.376.000.000)	74.753.537.156
Vốn chủ sở hữu	1.314.470.307.650	345.490.632.133	193.733.734.263	(510.000.000.000)	1.343.694.674.046
Tổng nguồn vốn	1.508.578.252.742	1.541.278.142.991	1.390.417.325.639	(559.535.830.642)	3.880.737.890.730
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 01 tháng 01 năm 2018					
Chi tiêu vốn	59.158.842.680	73.545.146.667	47.386.391.260	-	180.090.380.607
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	53.469.276.941	24.907.664.959	11.720.045.532	-	90.096.987.432
Khấu hao tài sản cố định vô hình	506.764.800	226.102.129	-	-	732.866.929

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	4.368.026.806	5.235.443.344
Tiền gửi ngân hàng	234.226.535.840	185.626.269.758
Tiền đang chuyển	60.007.099	-
Các khoản tương đương tiền	345.000.000.000	374.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	583.654.569.745	564.861.713.102

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm 4.000 triệu VND (01/01/2018: 0 VND) bị hạn chế sử dụng để phục vụ việc thi hành án trong một vụ kiện mà công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex là nguyên đơn.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 5% đến 6% một năm (01/01/2018: 5% - 6%).

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	40.450.119.028	57.940.108.349
Các bên khác		
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	208.339.676.088	72.340.208.538
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	185.399.448.460	71.906.423.299
▪ Công ty TNHH TM&DV Nam Song Anh	127.562.489.996	71.155.037.016
▪ Công ty TNHH TM&SX Việt Quang Phát	104.773.607.558	148.963.621.050
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành	95.919.706.812	37.500.362.537
▪ Công ty TNHH TM&DV Hà Anh Phát	84.549.456.035	121.818.513.269
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	39.794.226.851	89.100.917.476
▪ Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - CTCP	9.115.393.860	10.428.627.000
▪ Công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
▪ Total Lubrifiants Hongkong Limited	6.758.285.065	4.325.232.516
▪ Công ty vận tải biển Vinalines	3.555.470.834	3.605.520.916
▪ Công ty TNHH Shin Kwang Global Việt Nam	-	38.135.426.300
▪ Các khách hàng khác	1.047.668.372.358	931.535.974.703
	1.961.352.729.856	1.666.222.449.880

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu khác**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	807.597.093	-
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	12.499.840.830	8.191.834.346
Lãi tiền gửi dự thu	4.496.780.575	1.559.318.259
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	4.337.973.075	-
Phải thu từ người lao động	2.245.425.666	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	380.366.599	4.788.657.629
	24.767.983.838	14.539.810.234

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Đặt cọc cho dự án Kho Nhựa Đường	3.854.175.300	3.864.872.800
Đặt cọc cho sử dụng dịch vụ khu công nghiệp	404.019.200	-
	<hr/> 4.258.194.500	<hr/> 3.864.872.800

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2018	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	122.487.509.186	(3.034.186.864)	119.453.322.322
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.866.878.835	(7.428.326.850)	18.438.551.985
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.223.187.943	(1.216.468.303)	1.006.719.640
▪ Từ 3 năm trở lên	171.304.972.463	(162.433.287.912)	8.871.684.551
	<hr/> 321.882.548.427	<hr/> (174.112.269.929)	<hr/> 147.770.278.498

*Trong đó:*Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (174.112.269.929)

01/01/2018	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30.363.605.937	(6.090.093.808)	24.273.512.129
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.374.316.774	(1.567.077.118)	3.807.239.656
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	69.579.568.976	(29.923.662.657)	39.655.906.319
▪ Từ 3 năm trở lên	152.510.374.082	(150.135.854.848)	2.374.519.234
	<hr/> 257.827.865.769	<hr/> (187.716.688.431)	<hr/> 70.111.177.338

*Trong đó:*Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (187.716.688.431)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	133.536.818.273	-	109.412.083.244	-
Nguyên vật liệu	205.886.591.976	-	239.854.363.389	-
Công cụ và dụng cụ	11.587.725.689	-	11.986.450.786	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	27.921.338.499	-	27.202.092.098	-
Thành phẩm	192.143.410.296	-	189.191.154.428	-
Hàng hóa	567.943.589.478	-	199.083.385.720	-
	<hr/>		<hr/>	
	1.139.019.474.211	=	776.729.529.665	-
	<hr/>		<hr/>	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	526.344.507.633	333.937.609.285	166.784.668.986	24.590.966.991	1.051.657.752.895
Tăng trong năm	19.108.913.897	23.692.983.520	3.756.198.688	2.268.100.109	48.826.196.214
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	128.829.227.179 (1.366.248.302)	29.655.132.667 (3.172.470.114)	21.175.169.637 (677.914.364)	- (36.338.640)	179.659.529.483 (5.252.971.420)
Số dư cuối năm	672.916.400.407	384.113.255.358	191.038.122.947	26.822.728.460	1.274.890.507.172
Giá trị hao mòn lũy kế					
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	226.874.401.363	190.586.893.971	109.834.229.866	18.085.601.662	545.381.126.862
Khấu hao trong năm Thanh lý	25.931.157.883 (1.366.248.302)	21.464.157.359 (3.172.470.114)	11.406.031.523 (677.914.364)	2.528.454.109 (36.338.640)	61.329.800.874 (5.252.971.420)
Số dư cuối năm	251.439.310.944	208.878.581.216	120.562.347.025	20.577.717.131	601.457.956.316
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	299.470.106.270	143.350.715.314	56.950.439.120	6.505.365.329	506.276.626.033
Số dư cuối năm	421.477.089.463	175.234.674.142	70.475.775.922	6.245.011.329	673.432.550.856

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 241.191 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2018: 224.465 triệu VND).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	7.879.535.312
Tăng trong năm	2.492.000.000
Số dư cuối năm	10.371.535.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.318.503.689
Khấu hao trong năm	577.714.950
Số dư cuối năm	5.896.218.639
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.561.031.623
Số dư cuối năm	4.475.316.673

13. Bất động sản đầu tư

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	3.234.686.485

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tổng công ty là quyền sử dụng thửa đất số 52, 53, Khu E1, tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Theo chủ trương của Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng công ty đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng thửa đất này, kết quả giá trúng đấu giá là 26.620 triệu VND vào ngày 11 tháng 01 năm 2019. Tại ngày phát hành báo cáo, Tổng công ty đang hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HNBan hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	152.870.182.358	80.639.517.992
Tăng trong năm	188.641.394.031	154.407.275.577
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(179.659.529.483)	(77.322.755.895)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(497.324.830)	(600.938.688)
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	1.287.026.647	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(614.000.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(3.234.686.485)
Giảm khác	-	(404.230.143)
Số dư cuối năm	162.641.748.723	152.870.182.358

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	19.487.082.963	17.680.399.573
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	29.840.819.026	15.860.607.248
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	8.087.296.789	7.310.267.889
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.971.073.231	7.263.873.231
Tài sản chờ lắp đặt	6.411.441.762	-
Các dự án khác	3.173.067.044	437.200.000
	74.970.780.815	48.552.347.941
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	60.498.582.070	19.053.089.042
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	1.381.999.396	11.136.335.235
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	10.242.466.258	7.841.265.967
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Quy Nhơn	-	1.676.316.622
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Nhà Bè	2.630.125.000	6.812.403.805
Các dự án khác	11.976.597.912	6.597.534.876
	86.729.770.636	53.116.945.547
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Công trình kho hóa chất dung môi Đình Vũ	-	50.259.691.598
Các dự án khác	941.197.272	941.197.272
	941.197.272	51.200.888.870
	162.641.748.723	152.870.182.358

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 6.388 triệu VND (01/01/2018: 1.831 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 60.499 triệu VND (01/01/2018: 50.259 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

Địa chỉ	31/12/2018		01/01/2018	
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP Hải Phòng	6.600.000	43,78%	6.600.000	43,78%
				Giá trị ghi sổ VND
				63.232.641.789

Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP Hải Phòng

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	63.232.641.789	67.080.380.386
Phân bổ trong công ty liên kết	(19.698.489.700)	(3.847.738.597)
Số dư cuối năm	43.534.152.089	63.232.641.789

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sản phẩm	Chi phí đất trả trước (*)	Công cụ và dụng cụ	Chi phí sửa chữa lớn	Chi phí khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	64.207.045.408	66.826.785.884	8.264.053.117	11.998.225.412	14.222.898.767	165.519.008.588
Tăng trong năm	-	-	7.024.660.084	13.480.913.475	9.801.239.334	30.306.812.893
Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	354.622.292	-	142.702.538	497.324.830
Phân loại sang Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	(344.226.707)	-	-	(942.799.940)	(1.287.026.647)
Phân bổ trong năm	(1.901.727.823)	(564.003.592)	(6.380.314.011)	(11.168.514.800)	(7.983.713.668)	(27.998.273.894)
Biến động khác	-	-	-	-	(96.334.964)	(96.334.964)
Số dư cuối năm	62.305.317.585	65.918.555.585	9.263.021.482	14.310.624.087	15.143.992.067	166.941.510.806

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 49.562 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 21(b)).

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các công ty liên quan		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	579.067.321.464	409.710.045.201
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	13.559.476.414	9.013.900.868
▪ Công ty TNHH Castrol BP Petco	2.590.816.679	1.662.025.979
	595.217.614.557	420.385.972.048
Các bên khác		
▪ Integra Petrochemicals Pte., Ltd.	99.402.320.130	-
▪ Grand Resources Group Co., Ltd.	66.359.290.251	-
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd.	64.213.880.143	50.163.949.037
▪ Interchem Pte., Ltd.	53.556.934.106	-
▪ Wuxi Baichuan Chemical Industrial Co., Ltd.	44.631.665.691	-
▪ Petronas Chemical Marketing	38.939.965.688	1.047.794.944
▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd.	27.155.404.769	21.101.032.594
▪ Zibo Qixiang Tengda Chemical Co.,	19.670.329.972	-
▪ Total Lubrifiants	13.028.711.451	4.513.253.849
▪ Lubrizol Southeast Asia Ltd.	6.446.333.786	1.321.499.284
▪ Công ty TNHH DV&TM Hà Anh Phát	625.889.427	27.828.738.747
▪ Fortrec Chemicals And Petroleum Pte., Ltd.	-	66.814.874.984
▪ Hanwa Co., Ltd.	-	61.986.339.643
▪ Exxon Mobil Asia Co., Ltd.	-	10.586.737.586
▪ Các nhà cung cấp khác	110.885.739.486	114.648.423.366
	544.916.464.900	360.012.644.034
	1.140.134.079.457	780.398.616.082

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm		31/12/2018	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	1.695.254	7.953.786.126	1.809.899.674.064	(874.748.196.092)	(921.712.214.327)	-	21.391.354.517	
Thuế nhập khẩu	95.805.517	-	34.561.483.945	(34.465.679.823)	-	1.395	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.998.683.098	9.483.371.348	41.046.157.751	(40.475.633.063)	-	1.056.843.365	9.112.056.303	
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.325.249.474	27.999.669.384	(28.931.774.262)	-	-	1.393.144.596	
Thuế thu nhập cá nhân	2.929.217	903.775.412	5.606.131.385	(5.781.215.975)	-	18.352.162	744.113.767	
Thuế khác	164.845.000	49.855.809	2.297.132.241	(2.302.220.969)	-	164.845.000	44.767.081	
	2.263.958.086	20.716.038.169	1.921.410.248.770	(986.704.720.184)	(921.712.214.327)	1.240.041.922	32.685.436.264	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	557.973.257	2.946.264.663
Chi phí xây dựng đã hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu	17.748.749.357	723.147.188
	<hr/>	<hr/>
	18.306.722.614	3.669.411.851

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả cổ tức	1.558.992.500	1.335.214.725
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.627.395.659	2.848.440.516
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải trả khác	2.266.105.710	826.757.769
	<hr/>	<hr/>
	22.452.493.869	13.010.413.010

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	1.579.304.542.721	4.704.825.150.501	(4.128.564.062.666)	(739.126.810)	2.154.826.503.746	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	4.983.570.145	-	-	4.983.570.145	
	1.579.304.542.721	4.709.808.720.646	(4.128.564.062.666)	(739.126.810)	2.159.810.073.891	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2 - 5,5	779.838.077.479	727.795.392.857
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	2,2	-	4.958.203.853
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,2	-	32.269.060.024
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,5 - 5,2	23.887.070.815	6.355.911.544
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,2 - 3,3	-	15.602.309.573
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	1,8 - 5,35	66.893.963.333	144.013.377.712
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	4,2 - 5,6	256.814.970.079	187.012.979.342
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	USD	3,3	61.980.750.492	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	2,8	-	81.158.077.301
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,2 - 5,3	-	29.006.207.739
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,7 - 5,5	644.861.362.674	4.161.151.500
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	1,9 - 2,3	-	68.133.659.787
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	VND	5,2	19.098.225.784	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	USD	3	-	104.662.053.513
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	VND	5	-	61.358.204.045
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	USD	2,45	152.038.062.957	112.817.953.931
Khoản vay Ngân hàng BNP	USD	2,45	149.414.020.133	-
			2.154.826.503.746	1.579.304.542.721

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex					
Khoản vay 1	VND	8,5	2025	25.900.000.000	27.750.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5	2025	9.706.666.000	10.400.000.000
Khoản vay 3 (*)	VND	8,6	2025	1.454.466.482	1.558.356.945
Khoản vay 4 (*)	VND	8,5	2025	1.601.349.794	1.715.731.922
Khoản vay 5	VND	8,5	2025	4.033.512.933	4.321.621.000
Khoản vay 6 (*)	VND	8,5	2025	1.709.030.289	1.831.104.289
Khoản vay 7	VND	8,5	2025	5.878.040.000	6.297.900.000
Khoản vay 8	VND	8,5	2025	2.352.882.700	2.520.945.700
Khoản vay 9	VND	8,5	2025	9.936.898.813	10.646.677.300
Khoản vay 10	VND	10,1	2025	7.197.120.000	7.711.200.000
	VND	Libor 3M + 0,7%	2023	23.567.761.776	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam				93.337.728.787	74.753.537.156
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)				(4.983.570.145)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				88.354.158.642	74.753.537.156

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay dài hạn được nhận từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, có thời hạn 10 năm (ân hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bao gồm: quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 49.562 triệu VND và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ.

- (*) Theo thỏa thuận giữa Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 của khoản vay 1 và khoản vay 2 được chuyển thành các khoản vay dài hạn mới (khoản vay 3 và khoản vay 4), chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 của các khoản vay 1, 2, 3, 4, 5 được chuyển thành khoản vay dài hạn mới (khoản vay 6).

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	8.518.987.299	3.121.375.999
Trích lập trong năm	10.318.554.562	17.391.028.243
Sử dụng trong năm	(15.187.426.899)	(11.993.416.943)
Số dư cuối năm	3.650.114.962	8.518.987.299

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2017	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	298.985.382.014	20.463.604.691	219.902.802.933	1.351.354.699.638
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	171.400.866.114	171.400.866.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.391.028.243)	(17.391.028.243)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	39.305.238.304	-	(39.305.238.304)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(31.616.582)	-	-	-	(31.616.582)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(43.114.881)	(43.114.881)
Số dư ngày 01/01/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(31.616.582)	338.290.620.318	20.463.604.691	172.969.155.619	1.343.694.674.046
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	152.990.212.825	152.990.212.825
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(10.318.554.562)	(10.318.554.562)
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(43.762.401)	-	-	-	(43.762.401)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	12.003	12.003
Số dư ngày 31/12/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(75.378.983)	338.290.620.318	20.463.604.691	154.045.693.885	1.324.727.449.911

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 04 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 161.595 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (2017: 161.595 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu)).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	117.863.399.271	154.604.789.547

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		01/01/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.326.702	30.724.194.679	562.098	12.736.355.010
Euro ("EUR")	234	6.655.678	245	6.966.781
Lao Kips ("LAK")	2.483.619.082	6.770.211.944	37.543.000	102.353.535
		37.501.062.301		12.845.675.326

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Đã được duyệt	164.916.000.000	135.220.000.000

(d) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết mua USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Cam kết hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	378.374.416.076

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường. Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.404.802.935.430	1.371.676.877.855
Bán nhựa đường	2.148.420.477.806	1.630.315.437.321
Bán hóa chất, dung môi	2.841.633.770.319	1.983.575.044.729
Bán hàng hóa khác	41.467.834.399	41.917.080.280
Thu nhập từ kinh doanh chênh lệch giá hóa chất	-	21.604.056.710
	<hr/> 6.436.325.017.954	<hr/> 5.049.088.496.895
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(2.346.752.147)	(2.629.541.925)
	<hr/> 6.433.978.265.807	<hr/> 5.046.458.954.970

29. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	950.660.654.821	930.008.733.745
Giá vốn nhựa đường	1.895.998.273.197	1.419.196.345.372
Giá vốn hóa chất, dung môi	2.676.414.070.249	1.880.267.806.740
Giá vốn hàng hóa khác	39.494.840.678	34.155.445.785
	<hr/> 5.562.567.838.945	<hr/> 4.263.628.331.642

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	18.325.120.187	19.805.840.738
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.636.703.608	7.899.696.361
Lãi hàng bán trả chậm	4.590.037.500	3.988.805.889
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	173.070.799
	<hr/> 31.551.861.295	<hr/> 31.867.413.787

31. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	85.633.635.141	54.202.198.384
Chiết khấu thanh toán	-	2.329.525.306
Lỗ chênh lệch tỷ giá	24.048.893.804	3.736.971.605
Chi phí tài chính khác	1.537.595.621	-
	111.220.124.566	60.268.695.295

32. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	78.114.560.559	75.303.488.351
Chi phí vận chuyển	109.197.899.754	95.207.292.932
Chi phí hỗ trợ bán hàng	58.479.290.905	71.690.263.334
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	83.133.150.912	55.120.289.008
Chi phí sửa chữa	9.816.057.397	9.772.189.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.084.043.428	34.276.905.111
Chi phí bán hàng khác	128.103.879.651	104.674.773.769
	489.928.882.606	446.045.201.873

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	60.253.265.203	45.169.150.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.508.911.917	4.779.907.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.358.414.409	15.342.486.889
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.701.144.791	26.387.147.369
	95.821.736.320	91.678.692.836

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	974.366.490.163	900.227.069.565
Chi phí nhân viên	166.806.734.064	143.497.499.401
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.373.247.239	92.796.367.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.688.299.597	154.054.459.459
Chi phí khác	221.558.164.569	245.447.000.524

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	194.036.370.576	215.077.044.021
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	38.807.274.116	43.015.408.804
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	151.072.038	
Chi phí không được khấu trừ thuế	274.541.805	444.693.026
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.813.269.792	-
Ảnh hưởng do lỗ từ công ty liên kết	-	216.076.077
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.046.157.751	43.676.177.907

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào – công ty con cấp 2 có mức thuế suất 24%.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho năm 2018 là 142.671.658.263 VND (2017: 171.400.866.114 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân là 80.797.566 cổ phiếu (2017: 80.797.566 cổ phiếu). Chi tiết của Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	152.990.212.825	171.400.866.114
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(10.318.554.562)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>142.671.658.263</u>	<u>171.400.866.114</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10.318.554.562 VND – số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Các công ty liên quan		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Công ty mẹ</i>		
▪ Cổ tức	127.773.270.872	127.778.518.000
<i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i>		
▪ Mua hàng hóa	1.220.075.742.700	1.034.392.016.023
<i>Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	1.139.822.449.805	1.118.368.868.116
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	120.558.003.239	132.779.577.830
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	16.719.025.086	24.172.276.507

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
▪ Các khoản vay	131.750.717.503	161.933.876.670
▪ Trả nợ vay	4.983.570.145	205.772.933.904
▪ Lãi vay nhập gốc	-	1.831.104.289
▪ Lãi vay	7.663.526.823	2.154.885.668
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP		
▪ Mua dịch vụ	16.197.371.699	18.963.150.000
Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	1.042.970.535	941.803.709
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên khác thuộc Ban Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	5.971.131.357	4.723.998.525

38. Các khoản tiềm ẩn

Theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP (“Nghị định 20”) ban hành ngày 24 tháng 02 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong năm. Trong năm, Tổng công ty và các công ty con có phát sinh giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết. Tuy nhiên hiện có những diễn giải khác nhau về việc quy định của Nghị định 20 có áp dụng hay không trong trường hợp doanh nghiệp có giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết mà chỉ phát sinh chi phí tiền lãi trên khoản vay từ các bên không phải là bên liên kết. Theo diễn giải của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con, quy định này không áp dụng trong trường hợp công ty không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết. Tuy nhiên việc có hay không áp dụng quy định này trong trường hợp Tổng công ty và các công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại Tổng công ty và các công ty con chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo tài chính này việc diễn giải phạm vi áp dụng của quy định nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không điều chỉnh ảnh hưởng của chi phí lãi vay có khả năng không được trừ (ước tính là 9.650 triệu VND) khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Nếu khoản chi phí lãi vay này được kết luận chính thức là không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày sẽ cùng tăng lên một khoản là 9.650 triệu VND.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 03 năm 2004.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Số 0101463614 ngày 16 tháng 08 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 08 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Tạo	Thành viên (từ ngày 18/04/2018)
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên (từ ngày 18/04/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 18/04/2018)
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 18/04/2018)
Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Hoàng Văn Thành	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 18/04/2018)

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc *[Handwritten signature]*

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 03 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00126-19-1



Wang Toan Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		537.976.717.612	604.592.617.597
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	35.328.060.944	48.025.131.306
Tiền	111		35.328.060.944	48.025.131.306
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.748.972.061	169.264.363.304
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	122.160.228.855	143.406.240.559
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.537.914.898	25.462.214.893
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	9.413.746.342	19.903.373.415
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(21.768.140.749)	(19.507.465.563)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		405.222.715	-
Hàng tồn kho	140	8	365.499.415.868	386.331.877.338
Hàng tồn kho	141		365.499.415.868	386.331.877.338
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.400.268.739	971.245.649
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		875.865.066	876.427.172
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		524.403.673	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	94.818.477
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		952.662.303.718	903.985.635.145
Các khoản phải thu dài hạn	210		63.476.000.000	32.876.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	63.476.000.000	32.876.000.000
Tài sản cố định	220		185.955.113.239	176.470.710.764
Tài sản cố định hữu hình	221	9	184.074.510.504	175.727.583.690
Nguyên giá	222		478.015.175.062	453.105.718.948
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(293.940.664.558)	(277.378.135.258)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.880.602.735	743.127.074
Nguyên giá	228		6.749.935.312	5.349.935.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.869.332.577)	(4.606.808.238)
Bất động sản đầu tư	230		3.234.686.485	3.234.686.485
Nguyên giá	231	11	3.234.686.485	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	240		74.970.780.815	48.552.347.941
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	74.970.780.815	48.552.347.941
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	553.534.152.089	573.232.641.789
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000.000	510.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.465.847.911)	(2.767.358.211)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản dài hạn khác	260		71.491.571.090	69.619.248.166
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	71.491.571.090	69.619.248.166
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.490.639.021.330	1.508.578.252.742
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		203.640.636.082	194.107.945.092
Nợ ngắn hạn	310		203.640.636.082	194.107.945.092
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	53.689.914.424	47.035.016.270
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.984.015.018	2.512.350.702
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	8.578.261.295	12.997.614.491
Phải trả người lao động	314		22.550.981.254	13.574.906.951
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	557.973.257	3.669.411.851
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	20.192.799.402	11.175.213.292
Vay ngắn hạn	320	19	98.321.474.474	106.100.217.922
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	(3.234.783.042)	(2.956.786.387)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.286.998.385.248	1.314.470.307.650
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.286.998.385.248	1.314.470.307.650
Vốn cổ phần	411	22	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	22	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	330.797.220.456	330.797.220.456
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.734.650.101	151.206.572.503
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(14.974.884.977)	(7.679.128.876)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		138.709.535.078	158.885.701.379
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.490.639.021.330	1.508.578.252.742

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	1.452.187.627.427	1.413.329.468.772
Giá vốn hàng bán	11	27	997.539.031.908	970.186.512.898
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		454.648.595.519	443.142.955.874
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	17.285.940.218	11.928.610.810
Chi phí tài chính	22	29	32.686.754.613	6.579.818.469
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.771.450.487	2.117.762.083
Chi phí bán hàng	25	30	216.533.530.196	207.327.403.802
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	54.075.609.578	44.417.609.735
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		168.638.641.350	196.746.734.678
Thu nhập khác	31		2.834.331.096	2.316.712.706
Chi phí khác	32		1.803.286.993	2.127.123.521
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.031.044.103	189.589.185
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		169.669.685.453	196.936.323.863
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	30.960.150.375	38.050.622.484
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		138.709.535.078	158.885.701.379

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	169.669.685.453	196.936.323.863
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	22.041.686.419	55.207.590.993
Các khoản dự phòng	03	21.959.164.886	3.423.013.042
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(199.741.380)	(9.720.127)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.362.607.404)	(10.851.110.597)
Chi phí lãi vay	06	6.771.450.487	2.117.762.083
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	202.879.638.461	246.823.859.257
Biến động các khoản phải thu	09	225.130.861	(5.292.211.616)
Biến động hàng tồn kho	10	20.832.461.470	44.483.944.512
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	19.688.995.015	(19.102.948.144)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.871.760.818)	(6.614.607.453)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.771.450.487)	(2.117.762.083)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.083.738.689)	(38.519.090.835)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.864.334.138)	(7.842.269.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	197.034.941.675	211.818.913.914
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(57.944.521.768)	(59.158.842.680)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.369.135.285	869.790.000
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	15.993.472.119	9.981.320.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.581.914.364)	(48.307.732.083)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	597.267.039.220	535.086.605.825
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(605.045.782.668)	(535.635.084.564)
Tiền trả cổ tức	36	(161.371.354.225)	(160.649.989.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(169.150.097.673)	(161.198.467.914)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(12.697.070.362)	2.312.713.917
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	48.025.131.306	45.712.417.389
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	35.328.060.944	48.025.131.306

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viênPhương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (01/01/2018: 2 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 13.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 334 nhân viên (01/01/2018: 342 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

Trong năm 2018, Tổng công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này, thời gian thay đổi như sau:

	2018	2017
▪ nhà cửa – bồn bể chứa	20 năm	10 năm
▪ máy móc, thiết bị	15 năm	5 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm	6 năm

Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao là 33.708 triệu VND.

(g) **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

Trong năm 2018, Tổng công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm máy tính từ 3 năm sang 8 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao là 548 triệu VND.

(h) **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm mua đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) **Vốn cổ phần**

(i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) **Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iii) **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	353.109.652	1.266.717.442
Tiền gửi ngân hàng	34.974.951.292	46.758.413.864
	<hr/>	<hr/>
	35.328.060.944	48.025.131.306

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các công ty liên quan		
Các công ty thuộc Petrolimex	38.038.841.328	57.225.650.793
Các bên khác		
Công ty Vận tải biển Vinalines	3.555.470.834	3.605.520.916
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
Total Lubrificants Hong Kong Limited	6.758.285.065	4.325.232.516
Các khách hàng khác	66.341.154.717	70.783.359.423
	122.160.228.855	143.406.240.559

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Phải thu khác**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các công ty liên quan		
Hỗ trợ đầu tư cho dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò (*)	-	12.500.000.000
Phải thu khác từ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con	1.144.759.154	2.572.694.353
Phải thu khác từ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	-	1.473.616.279
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	807.597.093	1.281.158.641
	1.952.356.247	17.827.469.273
Các bên khác		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	1.563.743.614	685.933.942
Phải thu từ người lao động	2.245.425.666	112.055.556
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.652.220.815	1.277.914.644
	9.413.746.342	19.903.373.415

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các công ty con		
Hỗ trợ đầu tư cho dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò (*)	12.500.000.000	-
Hỗ trợ đầu tư cho dự án Cầu cảng Thọ Quang (**)	9.500.000.000	9.500.000.000
Hỗ trợ đầu tư dự án Nhà máy kho dung môi Hóa chất Petrolimex Đình Vũ – Hải Phòng (***)	41.476.000.000	23.376.000.000
	63.476.000.000	32.876.000.000

Các khoản hỗ trợ đầu tư cho các công ty con không có đảm bảo, không có lãi suất và phải thu theo các điều khoản sau:

- (*) Theo hợp đồng ngày 09 tháng 08 năm 2017, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con. Khoản hỗ trợ đầu tư này được hoàn trả sau 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Trong năm 2018, Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex xin gia hạn thời gian trả nợ thêm 24 tháng, do đó khoản hỗ trợ đầu tư này sẽ được hoàn trả trong tháng 02 năm 2020.
- (**) Theo hợp đồng ngày 31 tháng 07 năm 2017, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Cầu cảng Thọ Quang của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con. Khoản hỗ trợ đầu tư này được hoàn trả sau 36 tháng kể từ ngày giải ngân (“thời gian hỗ trợ”). Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex có thể xin gia hạn thời gian hoàn trả tối đa là 24 tháng sau khi kết thúc thời gian hỗ trợ.
- (***) Theo hợp đồng ngày 25 tháng 08 năm 2017, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Nhà máy kho dung môi Hóa chất Petrolimex Đình Vũ – Hải Phòng của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con. Khoản hỗ trợ đầu tư này được hoàn trả sau 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex có thể xin gia hạn thời gian hoàn trả tối đa là 24 tháng sau khi kết thúc thời gian hỗ trợ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018			01/01/2018				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-
Công ty TNHH TM&VT Hoàng Phát	Trên 3 năm	2.126.286.342	(2.126.286.342)	-	Trên 3 năm	2.176.286.342	(2.176.286.342)	-
Các công ty khác	Trên 3 năm	8.706.473.927	(6.827.550.116)	1.878.923.811	Trên 3 năm	5.367.892.759	(5.367.892.759)	-
Các công ty khác	2 - 3 năm	852.172.788	(578.614.854)	273.557.934	2 - 3 năm	832.929.644	(583.050.751)	249.878.893
Các công ty khác	1 - 2 năm	2.725.853.684	(1.362.926.842)	1.362.926.842	1 - 2 năm	1.687.155.169	(843.577.585)	843.577.584
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	3.201.081.467	(876.044.908)	2.325.036.559	6 tháng - 1 năm	1.799.801.465	(539.940.439)	1.259.861.026
		27.608.585.895	(21.768.140.749)	5.840.445.146		21.860.783.066	(19.507.465.563)	2.353.317.503

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn

(19.507.465.563)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	12.394.223.267	-	17.722.579.992	-
Nguyên vật liệu	175.716.067.635	-	219.821.664.702	-
Công cụ và dụng cụ	7.376.589.556	-	7.758.784.140	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.921.338.499	-	27.202.092.098	-
Thành phẩm, hàng hóa	142.091.196.911	-	113.826.756.406	-
	<hr/>		<hr/>	
	365.499.415.868	-	386.331.877.338	-
	<hr/>		<hr/>	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	177.672.439.429	219.604.661.863	42.353.957.449	13.474.660.207	453.105.718.948
Tăng trong năm	309.622.709	23.653.883.520	-	1.917.947.000	25.881.453.229
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	1.445.142.028 (1.366.248.302)	- (3.172.470.114)	2.799.493.637 (677.914.364)	- -	4.244.635.665 (5.216.632.780)
Số dư cuối năm	178.060.955.864	240.086.075.269	44.475.536.722	15.392.607.207	478.015.175.062
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	103.286.901.445	137.185.577.908	25.547.151.167	11.358.504.738	277.378.135.258
Khấu hao trong năm Thanh lý	6.090.937.253 (1.366.248.302)	12.302.169.482 (3.172.470.114)	2.053.763.351 (677.914.364)	1.332.291.994 -	21.779.162.080 (5.216.632.780)
Số dư cuối năm	108.011.590.396	146.315.277.276	26.923.000.154	12.690.796.732	293.940.664.558
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	74.385.537.984	82.419.083.955	16.806.806.282	2.116.155.469	175.727.583.690
Số dư cuối năm	70.049.365.468	93.770.797.993	17.552.536.568	2.701.810.475	184.074.510.504

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 136.788 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2018: 135.454 triệu VND).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	5.349.935.312
Tăng trong năm	1.400.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.749.935.312
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.606.808.238
Khấu hao trong năm	262.524.339
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.869.332.577
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	743.127.074
Số dư cuối năm	1.880.602.735
	<hr/>

11. Bất động sản đầu tư

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	3.234.686.485
	<hr/>	<hr/>

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tổng công ty là quyền sử dụng thửa đất số 52, 53, Khu E1, tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Theo chủ trương của Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng công ty đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng thửa đất này, kết quả giá trúng đấu giá là 26.620 triệu VND vào ngày 11 tháng 01 năm 2019. Tại ngày phát hành báo cáo, Tổng công ty đang hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	48.552.347.941	43.618.500.559
Tăng trong năm	30.663.068.539	37.465.952.168
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.244.635.665)	(29.297.418.301)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(3.234.686.485)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	74.970.780.815	48.552.347.941

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	19.487.082.963	17.680.399.573
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	29.840.819.026	15.860.607.248
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	8.087.296.789	7.310.267.889
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.971.073.231	7.263.873.231
Tài sản chờ lắp đặt	6.411.441.762	-
Các công trình khác	3.173.067.044	437.200.000
	<hr/>	<hr/>
	74.970.780.815	48.552.347.941

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết
Đầu tư góp vốn vào công ty con				
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Hà Nội	100%	330.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Hà Nội	100%	180.000.000.000	-
			510.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết				
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	43,78%	66.000.000.000 (22.465.847.911)	6.600.000 (2.767.358.211)
			576.000.000.000 (22.465.847.911)	576.000.000.000 (2.767.358.211)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sản xuất VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	33.655.505.096	16.920.107.727	6.334.037.140	11.998.225.412	711.372.791	69.619.248.166
Tăng trong năm	-	-	6.124.317.195	13.480.913.475	-	19.605.230.670
Phân bổ trong năm	(1.347.845.031)	(564.003.592)	(4.296.857.928)	(11.168.514.800)	(355.686.395)	(17.732.907.746)
Số dư cuối năm	32.307.660.065	16.356.104.135	8.161.496.407	14.310.624.087	355.686.396	71.491.571.090

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	2.895.953.886	1.073.249.153
▪ Công ty TNHH Castrol BP PETCO	2.590.816.679	1.662.025.979
	<hr/>	<hr/>
	5.486.770.565	2.735.275.132
Các bên khác		
▪ Ducat Chemical	1.801.973.712	2.948.400.000
▪ Behn Meyer (Malaysia)	1.578.785.499	-
▪ Total Lubrifiants	13.028.711.451	4.513.253.849
▪ Exxon Mobil Asia Ltd	-	10.586.737.586
▪ Lubrizol Southeast Asiaptđ	6.446.333.786	1.321.499.284
▪ Các nhà cung cấp khác	25.347.339.411	24.929.850.419
	<hr/>	<hr/>
	53.689.914.424	47.035.016.270

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm		31/12/2018	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	3.041.806.789	267.179.491.063	(107.090.708.860)	(161.370.765.423)	-	1.759.823.569	
Thuế nhập khẩu	-	-	15.634.643.680	(15.634.643.680)	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	94.818.477	7.450.741.047	30.960.150.375	(33.083.738.689)	-	-	5.232.334.256	
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.325.249.474	27.999.669.384	(28.931.774.262)	-	-	1.393.144.596	
Thuế thu nhập cá nhân	-	179.817.181	3.511.938.776	(3.498.797.083)	-	-	192.958.874	
Thuế khác	-	-	1.893.945.520	(1.893.945.520)	-	-	-	
	94.818.477	12.997.614.491	347.179.838.798	(190.133.608.094)	(161.370.765.423)	-	8.578.261.295	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	557.973.257	2.946.264.663
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	-	723.147.188
	<hr/>	<hr/>
	557.973.257	3.669.411.851

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả cổ tức	1.558.992.500	1.335.214.725
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.868.824.761	1.344.899.711
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.764.982.141	495.098.856
	<hr/>	<hr/>
	20.192.799.402	11.175.213.292

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	01/01/2018		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	106.100.217.922	106.100.217.922	597.267.039.220 (605.045.782.668)	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND
				Số có khả năng trả nợ VND
				Giá trị ghi sổ VND
				98.321.474.474
				98.321.474.474

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	VND	4,5 - 5,6	29.988.977.500	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	5,0 - 5,4	23.989.979.410	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2,3 - 5,8	44.342.517.564	68.872.954.045
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	2,2	-	4.958.203.853
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,2	-	32.269.060.024
			98.321.474.474	106.100.217.922

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 5 tháng.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	(2.956.786.387)	(3.273.366.353)
Trích lập trong năm	4.586.337.483	8.158.849.690
Sử dụng trong năm	(4.864.334.138)	(7.842.269.724)
Số dư cuối năm	<u>(3.234.783.042)</u>	<u>(2.956.786.387)</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Bắt hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2017	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	298.985.382.014	20.463.604.691	193.929.806.138	1.325.381.702.843
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	158.885.701.379	158.885.701.379
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	31.811.838.442	-	(31.811.838.442)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.158.849.690)	(8.158.849.690)
Chia cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(43.114.882)	(43.114.882)
Số dư ngày 01/01/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	151.206.572.503	1.314.470.307.650
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	138.709.535.078	138.709.535.078
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.586.337.483)	(4.586.337.483)
Chia cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	12.003	12.003
Số dư ngày 31/12/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	123.734.650.101	1.286.998.385.248

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 04 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 161.595 triệu VND (tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (2017: 161.595 triệu VND, tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		01/01/2018	
	Nguyên tệ	Trương đương VND	Nguyên tệ	Trương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	40.488	941.107.429	5.598	108.581.358
Euro (“EUR”)	234	6.655.678	245	6.966.781
		947.763.107		115.548.139

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn cho năm sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Đã được duyệt	52.477.000.000	87.201.000.000

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.412.186.471.839	1.371.676.877.855
Bán hàng hóa khác	40.001.155.588	41.652.590.917
	1.452.187.627.427	1.413.329.468.772

27. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	958.044.191.230	930.008.733.745
Giá vốn hàng hóa khác	39.494.840.678	40.177.779.153
	997.539.031.908	970.186.512.898

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	479.775.037	1.814.282.602
Lợi nhuận được chia	15.513.697.082	8.167.037.995
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.292.468.099	1.947.290.213
	<hr/>	<hr/>
	17.285.940.218	11.928.610.810

29. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	6.771.450.487	2.117.762.083
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.703.515.677	1.102.670.800
Dự phòng tổn thất đầu tư	19.698.489.700	2.767.358.211
Chi phí tài chính khác	513.298.749	592.027.375
	<hr/>	<hr/>
	32.686.754.613	6.579.818.469

30. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	31.977.905.878	32.237.389.970
Chi phí vận chuyển	24.180.358.694	24.813.321.765
Chi phí hỗ trợ bán hàng	58.479.290.905	50.977.403.798
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	44.624.750.341	43.289.680.207
Chi phí khấu hao	4.752.337.596	7.310.586.315
Chi phí sửa chữa	7.809.821.867	7.873.824.383
Chi phí bán hàng khác	44.709.064.915	40.825.197.364
	<hr/>	<hr/>
	216.533.530.196	207.327.403.802

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	28.467.101.170	17.680.096.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.235.270.021	3.074.046.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.802.838.880	4.549.115.541
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.570.399.507	19.114.351.327
	54.075.609.578	44.417.609.735

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	863.784.477.549	794.913.935.527
Chi phí nhân viên	77.899.267.634	63.586.058.799
Chi phí khấu hao và phân bổ	22.041.686.419	55.207.590.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.570.626.055	28.184.694.817
Chi phí khác	166.396.325.332	156.268.351.185

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	169.669.685.453	196.936.323.863
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	33.933.937.091	39.387.264.773
Chi phí không được khấu trừ thuế	128.952.700	296.765.310
Thu nhập không bị tính thuế	(3.102.739.416)	(1.633.407.599)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.960.150.375	38.050.622.484

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
▪ Hỗ trợ vốn đầu tư	-	23.376.000.000
▪ Lợi nhuận được chia	9.181.583.284	1.663.999.086
▪ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.671.770.394	2.171.181.914
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	39.087.000	44.440.000
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
▪ Hỗ trợ vốn đầu tư	-	22.000.000.000
▪ Lợi nhuận được chia	6.332.113.798	6.503.038.909
▪ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.711.766.015	3.718.338.791
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	508.339.463	407.440.576
▪ Lãi từ khoản hỗ trợ vốn đầu tư	-	1.180.466.000
Các công ty liên quan		
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex		
▪ Bán hàng hóa	1.145.381.474.245	1.078.176.900.454
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	18.404.354.419	36.898.680.584
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	16.719.025.086	24.172.276.507
Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	1.042.970.535	941.803.709
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên khác thuộc Ban Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	5.971.131.357	4.723.998.525

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31/12/2017.

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Kính thưa Quý vị Cổ đông và các Nhà đầu tư,

Năm 2018 đánh dấu chặng đường 15 năm Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, là năm kết thúc nhiệm kỳ 2014-2018. Nhờ đầu tư đúng hướng, PLC đã tìm kiếm và tận dụng triệt để các lợi thế từng ngành hàng để hoàn thành được hầu hết các mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao cho HĐQT nhiệm kỳ vừa qua.

Về kết quả kinh doanh: PLC vẫn giữ thị phần dầu nhờn trong nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên Petrolimex, đảm bảo các bên cùng có lợi. Gia tăng mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận từ ngành hàng nhựa đường, hóa chất để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng trong cả nhiệm kỳ. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2014 - 2018	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng / Giảm
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (triệu đồng)	1.347.101	1.453.052	105.951
Sản lượng hợp nhất (tấn)	1.736.594	1.789.457	52.863

Trong đó, nhóm ngành hàng nhựa đường và hóa chất đã có sự gia tăng đáng kể về sản lượng, tăng rõ rệt về tỷ lệ đóng góp lợi nhuận vào kết quả lợi nhuận chung của PLC so với giai đoạn trước.

Ngành hàng	Giai đoạn 2014 - 2018 (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giai đoạn 2009 - 2013 (triệu đồng)	Tỷ trọng	Tăng /Giảm (triệu đồng)
Lợi nhuận TT	1.453.052	100,0%	1.294.874	100,0%	158.178
DMN	1.019.056	70,1%	1.165.212	90,0%	(146.155)
Nhựa đường	377.134	26,0%	95.345	7,4%	281.789
Hóa Chất	40.761	2,8%	33.327	2,6%	7.434

Về lợi ích cổ đông và nhà đầu tư: Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm đều cao hơn mục tiêu 12%, bình quân giai đoạn 2014-2018 là 23%, Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư qua việc Vốn chủ sở hữu đã có sự gia tăng qua từng năm. Cụ thể VCSH năm 2014 đạt mức bình quân là 1,116 tỷ đồng thì đến cuối năm 2018 đã đạt mức 1,336 tỷ

đồng. Tổng mức thực tế chi trả cổ tức từ 2015 (chi cổ tức cho năm 2014) đến nay (chưa bao gồm chi trả cổ tức năm 2018) đạt 768 tỷ đồng.

Về quản trị Công ty: Hoàn thiện hệ thống quản trị, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế. Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT đã tích cực chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện, cập nhật hệ thống các văn bản quy định, quy chế quản lý nội bộ; cập nhật điều lệ Công ty mẹ, Công ty con theo hướng minh bạch thông tin, phân cấp, phân công nhiệm vụ rõ ràng để phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng cá nhân cũng như tạo khung quy định trong việc hợp tác giữa các bộ phận, cá nhân trong tổ chức. HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo để triển khai các dự án tái cấu trúc Tổng công ty theo đúng định hướng và rút vốn thành công, có hiệu quả khởi công ty liên kết 810. PLC đã áp dụng thành công việc xây dựng hệ thống bản mô tả công việc, bảng lương chức danh công việc có tính thị trường, bước đầu trong dự án triển khai hệ thống KPI đánh giá hiệu quả công việc. Hệ thống quản lý nguồn lực ERP đã được khởi động triển khai từ giữa nhiệm kỳ 2014-2018.

Về phát triển bền vững: Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Tổng kết riêng năm 2018, Tổng công ty PLC không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận ĐHCĐ giao. Tổng sản lượng ước đạt 389.405 tấn, đạt 108,38% so với kế hoạch; Tổng Doanh thu ước đạt: 6.433,978 tỷ đồng, đạt 116,32% so với Kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 194,036 tỷ đồng đạt 81,93% kế hoạch đề ra. Các nguyên nhân chính dẫn đến không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, do sản lượng dầu nhờn cả nội địa cũng như xuất khẩu đều sụt giảm, trong khi chi phí không giảm. Thêm vào đó, công ty liên kết VP gặp khó khăn, lỗ lớn, khiến PLC phải trích dự phòng tài chính gần 20 tỷ đồng. Hiệu quả kinh doanh ngành hàng Nhựa đường và Hóa chất bị sụt giảm, khi giá đầu vào trên thị trường giảm sâu đột ngột vào đầu quý 4, tuy gần đạt mức hoàn thành kế hoạch nhưng tỷ trọng đóng góp vào kết quả chung của toàn PLC vẫn chưa cao.

Song hành cùng nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh, để chuẩn bị cho các hoạt động cải tổ, phát triển sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo 2019-2024, năm 2018, HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo, tiến hành công tác tái cấu trúc tổ chức, bổ sung nhân sự mới cho bộ máy quản lý đồng thời tiếp tục triển khai công tác điều hành tài chính tập trung. Đây là bước chuẩn bị. Những kết quả đã đạt được trong năm 2018 là:

Công tác điều hành tài chính tập trung: PLC đã hình thành một số nguồn lực tập trung để thực hiện nhiệm vụ đầu tư phát triển cũng như an sinh xã hội. Nguồn quỹ đầu tư phát triển tập trung đã giúp Công ty mẹ điều tiết, hỗ trợ vốn cho các Công ty con. Tuy nhiên, do nguồn lực tập trung còn ít và gặp rào cản về chính sách (Nghị định 20/2017/NĐ-CP) nên chủ trương hỗ trợ vốn của PLC còn bị hạn chế. Cơ cấu vốn của PLC đang bị mất cân đối, nguồn vốn Chủ sở hữu chỉ đảm bảo tài trợ cho giá trị TSCĐ, rủi ro là tương đối lớn do toàn bộ nguồn vốn ngắn hạn phải đi vay từ các tổ chức tín dụng. Nguồn vốn Chủ sở hữu các năm gần đây tăng chậm do chia cổ tức cao, tối thiểu 80% LNST, trong khi lợi nhuận không tăng. Trước những yêu cầu trên đây, việc tiếp tục rà soát, cân đối lại nguồn lực đảm bảo hiệu quả kinh doanh là cần thiết. PLC đang tiếp tục nghiên cứu và đề xuất phương án

phát hành cổ phần đảm bảo cân đối nhu cầu vốn kinh doanh, đầu tư phát triển đồng thời tìm kiếm các đối tác chiến lược để thúc đẩy đổi mới quản trị, tái cấu trúc thành công.

Công tác tái cấu trúc tổ chức và bổ sung nhân sự: ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã kiện toàn và bổ sung nhân sự cho HĐQT và BKS để thực hiện nhiệm vụ. Sau ĐHĐCĐ, HĐQT tiếp tục tiến hành tái cấu trúc tổ chức tại công ty con, chuyển đổi mô hình tổ chức công ty con thành HĐTV, Giám đốc và các kiểm soát viên để tăng cường sự quản lý, giám sát hoạt động của công ty con theo đúng mục tiêu, mong muốn của công ty mẹ. Tại Công ty mẹ, HĐQT đang tiếp tục triển khai phương án tái cấu trúc, nhằm tách bạch hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh ngành hàng DMN ra khỏi các hoạt động quản lý điều hành chung của Công ty mẹ.

Sau ĐHĐCĐ thường niên 2018, HĐQT PLC với 7 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT và 1 Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách. HĐQT đã rà soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, để HĐQT hoạt động theo quy định của Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- 1- Ông Phạm Bá Nhuận - Chủ tịch HĐQT chuyên trách, phụ trách chung, hoạch định chiến lược phát triển trung và dài hạn, chỉ đạo công tác kế hoạch hóa, công tác nhân sự, lương thưởng.
- 2- Ông Nguyễn Văn Khánh - Ủy viên HĐQT không điều hành, phụ trách công tác đầu tư, công nghệ, phát triển.
- 3- Ông Nguyễn Văn Đức - Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc, phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng dầu mỡ nhờn, trực tiếp phụ trách công tác kế hoạch hóa toàn PLC.
- 4- Ông Vũ Văn Chiến - Ủy viên HĐQT - phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng nhựa đường.
- 5- Ông Hà Thanh Tuấn - Ủy viên HĐQT - phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng hóa chất.
- 6- Ông Đỗ Hữu Tạo - Ủy viên HĐQT không điều hành, phụ trách công tác phát triển sản phẩm, hao hụt.
- 7- Ông Nguyễn Hà Trung - Ủy viên HĐQT chuyên trách, phụ trách công tác tài chính, quản trị rủi ro.

Năm 2018, HĐQT đã triệu tập 10 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 20 lần để ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định (Chi tiết nội dung các nghị quyết của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng công ty năm 2018 đính kèm). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:

- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2018, từ đó kiến nghị xây dựng lại kế hoạch 2018 và đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.
- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Hỗ trợ/huy động vốn hiệu quả nhất giữa các Công ty và nguồn vốn bên ngoài phục vụ kinh doanh và đầu tư phát triển của PLC.

- Chuẩn bị ĐHCĐ thường niên, phân tích tình hình kinh tế xã hội có liên quan để xác định mục tiêu kế hoạch năm 2019, trình ĐHCĐ phê duyệt và chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc tổ chức thực hiện.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế như Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý lao động, tiền lương và thu nhập khác của Tổng công ty. Đồng thời HĐQT quyết định thay đổi Điều lệ của các công ty con cho phù hợp với mô hình tổ chức mới tại Công ty con và yêu cầu HĐQT ban hành một số quy chế quản trị nội bộ để vận hành cho phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng của HĐQT PLC. HĐQT PLC đang cho tiến hành rà soát và hoàn thiện định hướng pháp lý trong điều kiện tái cấu trúc và thực tiễn: như ban hành mới Quy chế tài chính toàn hệ thống PLC (bao gồm Công ty mẹ và công ty con), Quy chế bảo lãnh tín dụng (của Công ty mẹ đối với các Công ty con...)
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

Theo các dự báo về triển vọng kinh tế Việt Nam và những biến động trong các lĩnh vực chuyên doanh của PLC, đồng thời đánh giá vị thế của PLC trên thị trường, HĐQT đã thống nhất phương hướng mục tiêu chiến lược cho PLC trong giai đoạn tiếp theo:

- Tiếp tục phát triển ổn định thị trường dầu nhờn trong nước thông qua sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, đồng thời phát triển thêm các kênh bán hàng mới phù hợp xu thế phát triển của thị trường, để giữ vững hiệu quả kinh doanh. Phấn đấu nâng hiệu quả sử dụng vốn của ngành hàng nhựa đường, hóa chất lên ngang mức trả cổ tức. Tích cực đầu tư, phát triển mạnh sang thị trường các nước lân cận để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng trong nhiệm kỳ tới.
- Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm không thấp hơn 12%, Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư để tăng vốn chủ sở hữu của PLC lên trên 1.600 tỷ đồng, trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 1.000 tỷ đồng.
- Tích cực triển khai các hệ thống quản trị tiên tiến vào doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế.
- Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Năm 2019, là năm bản lề của nhiệm kỳ HĐQT mới, kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex, với dự báo kinh tế Việt Nam phát triển ổn định, việc phát triển kinh doanh sang thị trường Lào và Campuchia đã có nhiều khởi sắc, nhưng quy mô còn nhỏ. Nên dự báo năm 2019 chưa có biến động đột biến về sản lượng cũng như lợi nhuận đối với cả ba ngành hàng. HĐQT nhận định, mục tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế

năm 2019 phải có tăng trưởng so với 2018 nhưng không có nhiều đột biến. Đây là nhiệm vụ khó khăn và chỉ có thể thực hiện được khi thực hiện tốt các giải pháp:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, với chỉ tiêu giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho.
- Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Giữ vững thị phần của các đối tác trong Petrolimex và phát triển bền vững khách hàng bên ngoài.

Kính thưa Quý vị Cổ đông và các Nhà đầu tư,

Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua đã minh chứng cho tinh thần làm việc nghiêm túc và cầu thị của HĐQT. Để có được những thành quả này, HĐQT xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác bền chặt của các khách hàng, các đối tác và đặc biệt là toàn thể CBCNV đã nỗ lực góp sức tạo dựng PLC phát triển như ngày hôm nay. Thay mặt Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2018, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm và ủng hộ HĐQT hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ vừa qua.

Với mục tiêu chiến lược của nhiệm kỳ 2019-2023 là rất nặng nề, đòi hỏi ĐHCĐ hôm nay cần sáng suốt cân nhắc, lựa chọn một bộ máy quản lý, giám sát điều hành đủ tài, đủ đức để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Một lần nữa, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm và ủng hộ./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO

V/v Quyết toán QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex năm 2018

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 và kết quả sản hoạt động SXKD năm 2017 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2018 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2018 là: **2.129.617.285 đồng**.
2. Quỹ thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018. Theo đó, Tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 là: **869.841.459 đồng**.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2019

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018*(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)*

Kính gửi: ĐHĐCD thường niên 2019 Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP
 Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;
 HĐQT Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP đã xây dựng và báo cáo ĐHĐCD
 thường niên 2019 Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2018 của Tổng công ty
 PLC với nội dung cơ bản sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
1	Lợi nhuận thực hiện 2018	194,036,370,576	
2	Thuế TNDN	41,046,157,751	
	<i>Tr.đó: Thuế TNDN khác phát sinh</i>	<i>2,238,883,635</i>	
3	Lợi nhuận sau thuế phân phối	152,151,095,463	
4	Chia cổ tức	121,196,349,000	Chia cổ tức 15% bằng cổ phiếu (tương đương 79,66% LNST)
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,215,097,773	Quỹ khen thưởng phúc lợi trích bằng 1,5 tháng lương thực hiện của người lao động;
6	Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty	749,395,997	Quỹ thưởng BQL bằng 1 tháng lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý.
7	Quỹ đầu tư phát triển	14,990,252,693	

Kính đề nghị ĐHĐCD Tổng Công ty thông qua Phương án phân phối Lợi nhuận thực hiện năm 2018 của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2018 được đánh giá là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex gặp rất nhiều khó khăn. Giá dầu thế giới biến động phức tạp, mặc dù kinh tế trong nước ổn định, lãi suất, tỷ giá, lạm phát biến động thấp...các ngành hàng kinh doanh của Tổng công ty chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tình hình xuất khẩu của ngành hàng dầu nhờn gặp rất nhiều khó, liên tục sụt giảm sản lượng trong những năm gần đây, mặc dù đã triển khai nhiều chương trình nhằm thúc đẩy thị trường trong nước và tìm kiếm nhiều giải pháp gia tăng hoạt động xuất khẩu ra các nước trong khu vực, tuy nhiên hoạt động của ngành hàng dầu mỡ nhờn chưa được như kỳ vọng. Ngành hàng nhựa đường hiệu quả chưa được như kỳ vọng, hoạt động mang tính chu kỳ, trong nước một số dự án lớn đã hoàn thành hoặc triển khai chậm do vậy nhu cầu nhựa đường không còn nhiều, các dự án lớn mới triển khai ở giai đoạn đầu, tổng nhu cầu thị trường sụt giảm nhiều, mặt hàng đem lại lợi nhuận cao là Polyme và Nhũ tương chủ yếu phục vụ cho các dự án BOT, các đối thủ cạnh tranh trong những năm qua đã đầu tư thêm nhiều kho bãi và dùng nhiều hình thức cạnh tranh để tranh giành khách hàng và thị phần...Ngành hàng hóa chất có tốc độ tăng trưởng khá trong năm, có điều kiện nâng cao quy mô thị trường, mức gia tăng lợi nhuận cải thiện đáng kể tạo đà cho sự phát triển những năm tiếp theo.

Bước sang năm 2019, theo dự báo của Opec và Hiệp hội kinh doanh xăng dầu Việt Nam, khả năng giá dầu thế giới sẽ ổn định và dao động quanh mức 50-60 USD/thùng, giá dầu mỏ chắc chắn không ổn định thời gian dài ở mức độ thấp hay cao nhất mà sẽ liên tục biến động theo các yếu tố tác động trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, tất cả những nhân tố tác động khiến giá dầu biến động hiện đều chưa thấy có khả năng sẽ đột biến trong năm 2019.

Tuy nhiên, theo dự báo năm 2019 lãi suất có thể có những yếu tố thuận lợi do: Áp lực lạm phát có thể giảm bớt khi giá dầu thế giới không biến động nhiều, đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỷ giá, mức độ biến động của tỷ giá USD/VND năm 2019 sẽ chỉ xấp xỉ như 2018. Đồng thời năm 2019, áp lực lên tỷ giá được giảm thiểu do các yếu tố tác động trong nước và quốc tế đang có chiều hướng thuận lợi hơn so với dự báo: Khả năng USD sẽ không tăng nhiều thậm chí có thể suy yếu hơn; Lạm phát trong nước có khả năng kiểm soát khoảng 4% do giá hàng hóa thế giới tăng không lớn, áp lực lên tỷ giá giảm bớt.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trong năm thực hiện trong năm 2019, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2019:

Với tình hình khó khăn chung như trên đã trình bày: kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ 2018 giao trong điều kiện kinh doanh hết sức khó khăn, giá dầu thế giới trời sập, đối thủ cạnh tranh gay gắt, ...thì việc hoàn thành kế hoạch được giao là rất khó có khả năng thực hiện. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã có nhiều cố gắng nỗ lực, đảm bảo an toàn mọi mặt trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống cho cán bộ người lao động, giữ vững thị phần, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước, quy định của doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý, từng bước hoàn thiện tái cấu trúc doanh nghiệp... Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex thực hiện tỷ lệ chia cổ tức năm 2018 là 80% LNST và có tích lũy quỹ đầu tư phát triển trong năm 2018; Để đảm bảo khả năng tích lũy, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, ổn định SXKD đề nghị mức cổ tức thực hiện năm 2019 tối thiểu là 12% lợi nhuận.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH 2019/TH 2018
1	Sản lượng	Tấn; m3	389.405	378.771	97,27%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	6.433.978	6.463.307	101,00%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	194.036	208.286	107,00%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	152.990	166.629	109,00%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	11,55%	12,27%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	18,93%	20,62%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	80% LNST	Tối thiểu 12%	

(VCSH và VĐL để tính tỷ suất thực hiện năm 2018 là số bình quân cuối 4 quý, tỷ suất kế hoạch 2019 là cân đối vốn bình quân theo năm kế hoạch).

Ngoài mục tiêu gia tăng sản lượng, mở rộng thị trường, Tổng công ty duy trì mục tiêu tiết giảm chi phí và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, đảm bảo cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2019:

Năm 2019, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tổng giá trị đầu tư năm 2018 hoàn thành ở mức 285.893 tỷ đồng, đạt 72,4% Tổng kế hoạch dự toán đầu tư đã được duyệt trong năm; giá trị đầu tư hoàn thành các hạng mục sửa chữa lớn đạt 64,6% kế hoạch được duyệt:

Dvt: triệu đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	TH/KH NĂM 2018 (%)
	TỔNG CỘNG	394.963	285.893	72,4%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	350.454	257.126	73,37%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	44.509	28.767	64,63%

Kế hoạch đầu tư, thực hiện các dự án năm 2019 như sau:

Dvt: triệu đồng

STT	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ NĂM 2019
	TỔNG CỘNG	235.203
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	199.118
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	36.085

Nhận thức rõ được tầm quan trọng và giá trị mang lại của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao, mang thương hiệu Petrolimex, trong năm 2019, Tổng công ty và hai Công ty TNHH trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các công trình và hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính tại một số dự án, công trình đầu tư lớn, trọng điểm.

3. Các hoạt động trọng tâm khác trong năm 2019:

- Hoàn thiện và đẩy mạnh lộ trình tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án Tái cấu trúc Tổng công ty; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế nhằm tăng cường khả năng quản trị, kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.
- Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống, tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; Hạn chế và kiểm soát tốt công nợ và tăng cường điều hành tài chính tập trung;
- Triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống ERP trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con. Hoàn thành ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam và đưa sản phẩm PLC ra thị trường khu vực...

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2019

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và điều kiện thực tế của Tổng công ty PLC;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2019, như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS:

- Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2019 được hưởng là: **2.394 tỷ đồng.**
- Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2019 được hưởng là: **1.675 tỷ đồng.**

2. Phương thức trả thù lao cho các thành viên HĐQT, các thành viên BKS Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP năm 2019: Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT Tổng công ty PLC sẽ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hà nội, ngày 11 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP.

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ Tổng công ty v/v. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty như sau:

1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm kiểm toán;
- Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán do Tổng công ty yêu cầu;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) của Tổng công ty.

2. Đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn:

Với các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2019 của Tổng công ty gồm các công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam

3. Đề xuất của Ban kiểm soát:

Từ những căn cứ nêu trên, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

- (1) Thông qua các tiêu chí đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán tại Mục 1;
- (2) Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán tại Mục 2;
- (3) Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2019 theo danh sách đề nghị tại Mục 2 đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định!

TM. BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu BKS.



Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

THẺ LỆ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

- a. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.
- b. Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết (Phiếu bầu) tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị hoặc số Kiểm soát viên được bầu. Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc bầu cho một số các ứng cử viên số phiếu bằng nhau. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- c. Phiếu bầu cử (theo mẫu đính kèm). Phiếu bầu cử gồm có 02 loại: Phiếu màu trắng để bầu thành viên HĐQT và phiếu màu vàng để bầu Kiểm soát viên.
- d. Cách thức ghi phiếu bầu theo phương thức bầu dồn phiếu: Cổ đông chọn một trong hai cách: bầu dồn lệch hoặc bầu dồn đều.
 - **Bầu dồn lệch:** Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu vào cột Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên. Số phiếu bầu ghi cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho từ 1 đến một số ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Đảm bảo nguyên tắc: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu.
 - **Bầu dồn đều:** Cổ đông chỉ cần đánh dấu gạch chéo (X) cho mỗi ứng cử viên trong cột “ Số phiếu bầu ”. Mỗi ứng cử viên sẽ được số phiếu bầu bằng tổng số phiếu bầu chia (:) cho số lượng ứng cử viên được đánh dấu X . Ban Kiểm phiếu sẽ tự động chia tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông cho số lượng người được đánh dấu trong phiếu.

Ví dụ: Cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu tổng số cổ phần tại Đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu 5 thành viên Hội đồng quản trị thì số phiếu bầu tối đa của cổ đông là: $1.000 \times 5 = 5.000$ phiếu. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu cho từ 1 đến 5 ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Đảm bảo nguyên tắc: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu là 5.000 phiếu. Trong đó có thể bầu:

- *Bầu dồn lệch- Ví dụ:*
 - *Ứng cử viên số 1 = 1.000 phiếu;*
 - *Ứng cử viên số 2 = 2.000 phiếu*
 - *Ứng cử viên số 3 = 1.000 phiếu*
 - *Ứng cử viên số 4 = 500 phiếu*
 - *Ứng cử viên số 5 = 500 phiếu*
- *Bầu dồn đều- Ví dụ:*
 - *Đánh dấu X cho cả 5 ứng viên, nghĩa là mỗi ứng viên được bầu 1.000 phiếu;*
 - *Đánh dấu X cho 4 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là $5000/4 = 1.250$ phiếu.*
 - *Đánh dấu X cho 3 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là $5000/3 = 1.666$ phiếu (chỉ tính phiếu chẵn đến hàng đơn vị).*
 - *Đánh dấu X cho 2 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là $5000/2 = 2.500$ phiếu.*

Điều 3. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên

- a. Theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, số lượng thành viên HĐQT là **bảy (07) người**.
- b. ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu **07 TV HĐQT** và cơ cấu thành phần trong HĐQT PLC có 02 là thành viên không điều hành hoặc thành viên độc lập.
- c. Theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, số lượng Kiểm soát viên là **ba (03) người**. ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu **03** Kiểm soát viên.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT PLC

Theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng tính đến thời điểm 11/3/2019 (ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của PLC) có quyền gộp số quyền biểu quyết thành nhóm để đề cử các ứng viên vào HĐQT. Số lượng thành viên HĐQT là **07 người**.

- a. Quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị được quy định như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một(01) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;
- b. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện của người ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:

Tiêu chuẩn, điều kiện của những người ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex như sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông, hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty PLC.
- c. Không phải là người có liên quan của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của cổ đông sở hữu cổ phần chi phối tại Tổng công ty PLC là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Người có liên quan được quy định tại Điều 151 khoản 1 Luật Doanh nghiệp; Điều 6 khoản 34 Luật Chứng khoán).
- d. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty PLC.

Điều 6. Những người sau đây không được làm thành viên HĐQT:

- a. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
- b. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;
- c. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo uỷ quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại PLC;
- d. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- e. Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Toà án cấm hành nghề kinh doanh;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản: Người từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp doanh của công ty hợp doanh, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên HĐQT, thành viên BKS của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các

- thành viên Ban quản trị hợp tác xã trong thời điểm các doanh nghiệp và hợp tác xã này bị tuyên bố phá sản (Trừ trường hợp các doanh nghiệp và hợp tác xã này bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng);
- g. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp đó bị đình chỉ hoạt động, bị buộc phải giải thể do vi phạm pháp luật, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
 - h. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng chống tham nhũng;
 - i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 7. Quyền đề cử, ứng cử Kiểm soát viên PLC

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng (tính đến thời điểm 11/3/2019 là ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2019 của PLC) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS.

- a. Quyền đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được quy định như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một(01) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;
- b. Trường hợp số lượng các ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Kiểm soát viên phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện của người được ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Tiêu chuẩn của những người ứng cử, đề cử Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex như sau:

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty PLC ;
- c. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty; Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- d. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty PLC;
- e. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Điều 9. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên

Các cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu và có quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên của PLC phải gửi hồ sơ đến Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP trước ngày 02/04/2019. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của cổ đông gồm:

1. Đơn đề cử/ứng cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và cam kết (theo mẫu);
2. Trích yếu lý lịch cá nhân có dán ảnh (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan nơi làm việc hoặc của UBND địa phương nơi có hộ khẩu thường trú;
3. Bản sao có công chứng các giấy tờ: Chứng minh thư nhân dân, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
4. Văn bản của cổ đông là tổ chức hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên làm đại diện tham gia vào HĐQT, BKS của Tổng công ty PLC.

Điều 10. Quy định phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu hợp lệ:
 - Là Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, không sửa, tẩy, xóa;
 - Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;
 - Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông bầu cho các ứng viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông.
2. Phiếu bầu không hợp lệ:
 - Là Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
 - Phiếu bị rách, gạch, tẩy, xóa, sửa chữa;
 - Phiếu bầu cho số ứng viên nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên đã được Đại hội thông qua;
 - Tổng số phiếu bầu của cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên cộng lại lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông;
 - Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;
 - Số lượng phiếu biểu quyết ghi bằng % ;
 - Phiếu bầu đồng thời vừa ghi số lượng phiếu bầu và vừa đánh dấu (X);

Điều 11. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên PLC

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau;
2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 12. Nguyên tắc kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu là 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa ĐHĐCĐ.
2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi Thẻ lệ bầu cử này được ĐHĐCĐ thông qua và kết thúc vào thời gian do ĐHĐCĐ ấn định bỏ phiếu xong, để cổ đông và đại diện cổ đông thực hiện quyền bầu cử, phù hợp với chương trình Đại hội.
3. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu, công bố số lượng phiếu thu về trước sự chứng kiến của các cổ đông trước khi mang đi kiểm phiếu.
4. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
5. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

**ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX -CTCP**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

Tên tôi là:

Sinh ngày:

Địa chỉ:

Số CMTND/Hộ chiếu:ngày cấp tại.....

Số cổ phần sở hữu: cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần

Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là: cổ phần

tương đương với% Vốn điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex và Thể lệ bầu cử, tôi xin được tham gia ứng cử vào thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex nhiệm kỳ 2019-2024 được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

Trân trọng./.

....., ngàytháng ...năm 2019

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ KIỂM SOÁT VIÊN
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

Tên tôi là:

Sinh ngày:

Địa chỉ:

Số CMTND/Hộ chiếu:ngày cấp tại.....

Số cổ phần sở hữu: cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần

Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là: cổ phần tương đương với% Vốn điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP và Thể lệ bầu cử, tôi xin được ứng cử Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2019-2024 được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

Nếu được trúng cử, tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, hoàn thành nhiệm vụ của Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

Trân trọng./.

....., ngày tháng năm 2019

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền của các cổ đông tương ứng số cổ phần được ủy quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP

Tên tổ chức/cổ đông cá nhân/ nhóm cổ đông (có danh sách kèm theo):

Giấy CNĐKKD/CMND:.....ngày cấp tại.....

Địa chỉ:

Là cổ đông (nhóm cổ đông) sở hữu số cổ phần: cổ phần.

(*Bằng chữ:*.....), tương đương với % Vốn điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP và Thẻ lệ bầu cử, chúng tôi đề cử ông/bà có tên dưới đây:

Họ và tên	Ngày sinh	CMTND/Hộ chiếu số/ngày cấp/nơi cấp	Địa chỉ

Làm ứng cử viên đề Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex bầu vào Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex nhiệm kỳ 2019-2024.

Trân trọng!

....., ngàytháng năm 2019

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và chuyên môn;

CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

ĐƠN ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP

Tên tổ chức/cổ đông cá nhân/ nhóm cổ đông (có danh sách kèm theo):

Giấy CNĐKKD/CMND:.....ngày cấp tại.....

Địa chỉ:

Là cổ đông (nhóm cổ đông) sở hữu số cổ phần: cổ phần.

(*Bằng chữ*:), tương đương với % Vốn

điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP và Thẻ lệ bầu cử, chúng tôi đề cử ông/bà có tên dưới đây:

Họ và tên	Ngày sinh	CMTND/Hộ chiếu số/ngày cấp/nơi cấp	Địa chỉ

Làm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex bầu vào Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex nhiệm kỳ 2019-2024.

Trân trọng!

....., ngàytháng năm 2019

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh);
- Bản sao có công chứng các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và chuyên môn;

CỔ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Ảnh 4 x 6
(ảnh màu chụp không
quá 6 tháng và đóng
dấu giáp lai của cơ
quan xác nhận lý lịch)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

*(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên
PLC tại ĐHĐCĐ thường niên 2019)*

I. VỀ BẢN THÂN:

1. Họ và tên khai sinh:
2. Họ và tên thường dùng:
3. Bí danh:
4. Giới tính: Nam Nữ
5. Ngày tháng năm sinh:
6. Nơi sinh:
7. Số CMTND/Hộ chiếu:, ngày cấp:, tại:
8. Quốc tịch :
9. Dân tộc:
10. Quê quán:
11. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
.....
12. Địa chỉ thường trú hiện nay:
.....
13. Tên của Tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có):
.....
14. Địa chỉ của tổ chức ủy quyền đại diện:
.....
15. Số điện thoại liên lạc:
16. Trình độ văn hóa:
17. Trình độ chuyên môn (ghi rõ tốt nghiệp trường gì, chuyên ngành nào, hệ gì,
năm bao nhiêu)
.....
.....

18. Trình độ ngoại ngữ:

19. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

20. Chức vụ công tác hiện nay:

.....

21. Khen thưởng/Kỷ luật:

.....
.....

22. Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có):

.....
.....

23. Các lợi ích có liên quan đến Tổng công ty PLC (nếu có):

.....
.....

II. CÁC MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH (bố, mẹ, vợ/chồng, con, anh/chị em ruột, bố nuôi, mẹ nuôi, con nuôi):

Stt	Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi làm việc	Chức vụ
1					
2					
3					
...					

III. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là chính xác, hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm 2019

Người khai
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Số:

Hà Nội, ngày



PETROLIMEX

THÔNG BÁO VỀ VIỆC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ**ĐỀ BẦU VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN TỔNG CÔNG TY
HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP****Kính gửi: Quý Cổ đông**

- Căn cứ Thông báo số 27/TB-PLC-HĐQT ngày 15/3/2018 về việc Thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Tổng Công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP (PLC);

Để đảm bảo hoàn tất các thủ tục chuẩn bị nhân sự như đề cử, ứng cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ PLC, Hội đồng quản trị PLC kính đề nghị các Quý vị cổ đông đủ điều kiện (theo Dự thảo Thẻ lệ bầu cử đính kèm) tham gia đề cử, ứng cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của PLC nhiệm kỳ 5 năm từ 2019-2024.

Hồ sơ đề cử, ứng cử (theo mẫu) gửi về Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex- CTCP trước ngày 02/4/2019 theo địa chỉ sau: **Ban Tổng hợp HĐQT - Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex - tầng 18, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội.**

Hội đồng quản trị PLC sẽ tập hợp danh sách các cá nhân đủ điều kiện được ứng cử, đề cử; công bố thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex, để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu; Lập danh sách các ứng viên trình Đại hội đồng cổ đông bầu cử tại Đại hội.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS (để biết);
- Lưu VT, HĐQT.

**CHỦ TỊCH****Phạm Bá Nhuận**



PETROLIMEX

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

-----o0o-----

PHIẾU BIỂU QUYẾT

100

ĐIỂM

Mã CĐ: CN0002

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP



PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN HĐQT

Mã cổ đông: **CN0002**



Tên cổ đông/đại diện: **An Thị Kim Dung**

Số cổ phần sở hữu: 100

Số cổ phần được ủy quyền: 0

Tổng số phiếu bầu (tối đa): **700**

STT	TÊN ỨNG CỬ VIÊN HĐQT	SỐ PHIẾU BẦU
1.	Nguyễn Văn A	
2.	Nguyễn Văn B	
3.	Phạm Văn C	
4.	Phạm Văn D	
5.	Ngô Văn A	
6.	Ngô Văn B	
7.	Trần Văn D	
8.	Đặng Văn G	

Hà Nội, Ngày .../.../20...
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi Phiếu bầu:

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu"
- Nếu không bầu cho ứng cử viên, thì cổ đông để trống hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu bầu"

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP



PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN BKS

Mã cổ đông: **CN0002**



Tên cổ đông/đại diện: **An Thị Kim Dung**

Số cổ phần sở hữu: 100

Số cổ phần được ủy quyền: 0

Tổng số phiếu bầu (tối đa): **300**

STT	TÊN ỨNG CỬ VIÊN BKS	SỐ PHIẾU BẦU
1.	Ngô Minh A	
2.	Ngô Minh B	
3.	Trần Văn P	
4.	Nguyễn Minh H	

Hà Nội, Ngày .../.../20...
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi Phiếu bầu:

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu"
- Nếu không bầu cho ứng cử viên, thì cổ đông để trống hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu bầu"
- Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.



Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2019

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết để thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết theo các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP được tiến hành theo thể lệ sau đây:

I- HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT:

1. Cổ đông và Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Tổng công ty PLC (ĐHĐCĐ) bằng hình thức sử dụng **Phiếu biểu quyết**.
2. Phiếu biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu treo của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP, được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội. Trong Phiếu có các thông tin về mã số cổ đông, số điểm của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
3. Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ, Đoàn Chủ tịch Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:
 - Lần thứ nhất: Biểu quyết nhất trí.
 - Lần thứ hai : Biểu quyết không nhất trí.
 - Lần thứ ba : Biểu quyết không có ý kiến
 - Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (**nhất trí hoặc không nhất trí hoặc không có ý kiến**) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
4. Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại ĐHĐCĐ thực hiện theo hình thức tính điểm:
 - Một (01) cổ phần khi tham gia biểu quyết được tính bằng 01 điểm.
 - Tổng số Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm tổ chức Đại hội là **807.988.390.000** đồng, được chia thành **80.798.839** cổ phần phổ thông, trong đó trừ **1.273** cổ phần là cổ phiếu quỹ của PLC, còn lại **80.797.566** cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với **80.797.566** điểm. Số điểm của một Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tương ứng với số cổ phần đang sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện khi dự họp và biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA:

1. Các Quyết định về số lượng cổ phiếu được quyền phát hành; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sáp nhập, tái tổ chức Tổng công ty: được ĐHĐCĐ thông qua khi có ít nhất **82** (tám hai) % tổng số điểm biểu quyết của tất cả các Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ chấp thuận.
2. Các Quyết định khác được ĐHĐCĐ thông qua khi có ít nhất **80** (tám mươi) % tổng số điểm biểu quyết của tất cả các Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ chấp thuận.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ